



CÔNG TY TNHH ĐT SX - TM DV VITAL VITAL IMTS COMPANY LIMITED

VitalNoni là doanh nghiệp tiên phong trong lĩnh vực nghiên cứu – sản xuất – gia công & phát triển các sản phẩm chăm sóc sức khỏe từ trái non và thảo dược thiên nhiên. Với sứ mệnh lan tỏa sống khỏe từ gốc đến cộng đồng, VitalNoni không ngừng đổi mới để mang đến những giải pháp chăm sóc sức khỏe – sắc đẹp – tinh thần toàn diện và bền vững.

VitalNoni is a pioneering enterprise in the research, manufacturing, and development of health care products derived from Noni fruit and natural herbs. With the mission of promoting holistic wellness from the roots, VitalNoni continuously innovates to deliver comprehensive and sustainable solutions for health, beauty, and mental well-being.



“

VITALNONI – CHO SỨC KHỎE TRỖI DẬY

VitalNoni mang đến những dòng sản phẩm hỗ trợ tăng cường sức khỏe – thải độc – cân bằng năng lượng – cải thiện xương khớp - giấc ngủ – ổn định huyết áp và đường huyết. Tất cả được tạo nên từ nguồn nguyên liệu thiên nhiên chọn lọc, kết hợp công nghệ chiết tách hiện đại, nhằm khơi nguồn năng lượng sống tự nhiên từ bên trong cơ thể.

VitalNoni offers a range of products that help enhance health, detoxify the body, balance energy, and improve bone and joint function, sleep quality, blood pressure, and blood sugar levels. All products are made from carefully selected natural ingredients, combined with advanced extraction technology to awaken the body's natural inner vitality.

Giới thiệu

Nước ép trái cây Lên men tự nhiên

Introducing Naturally Fermented Fruit Juice
介绍天然发酵的果汁饮品



NỘI DUNG Contents 内容

1. Nguyên liệu đầu vào Input Materials 原材料

2. Phương pháp sản xuất Production Method 生产方法

3. Thành phần dinh dưỡng Nutritional Ingredients 营养成分



CHI TIẾT Details 详细信息

- Trái cây tươi: Chúng tôi chỉ lựa chọn những loại trái cây chất lượng tốt nhất, giàu dinh dưỡng từ vùng trồng hữu cơ, đảm bảo chất lượng và an toàn cho sức khỏe.
- Fresh Fruit: We only select the best quality fruits, rich in nutrients from organic growing areas, ensuring quality and safety for health.
新鲜水果：我们只精选来自有机种植区的优质水果，富含营养，确保质量与健康安全。

- Lên men tự nhiên: Sử dụng phương pháp lên men truyền thống, không chứa hóa chất độc hại, giữ nguyên hương vị và các chất dinh dưỡng có giá trị.
- Natural Fermentation: Using traditional fermentation methods, does not contain toxic chemicals, preserving the flavor and valuable nutrients.
天然发酵：采用传统发酵方法，不含有害化学物质，保留原有风味和宝贵营养成分。

- Vitamin C: Tăng cường sức đề kháng và hệ miễn dịch.
- Vitamin C: Enhances resistance and immune system.
- 维生素C：增强抵抗力和免疫系统。
- Flavonoid: Chất chống oxy hóa mạnh, bảo vệ tế bào khỏi bị tổn thương.
- Flavonoids: Powerful antioxidants, protect cells from damage.
- 黄酮类化合物：强效抗氧化剂，保护细胞免受损伤
- Enzym: Hỗ trợ tiêu hóa, giúp cơ thể hấp thụ chất dinh dưỡng tốt hơn
- Enzymes: Support digestion, help the body absorb nutrients better.
- 酶：支持消化，帮助身体更好地吸收营养。
- Khoáng chất: Cung cấp các chất dinh dưỡng thiết yếu như canxi, sắt và magie.
- Minerals: Provide essential nutrients such as calcium, iron, and magnesium.
- 矿物质：提供必需营养，如钙、铁和镁。



3. Thành phần dinh dưỡng Nutritional Ingredients 营养成分

- Carbohydrate: Cung cấp năng lượng cho cơ thể.
- Carbohydrates: Provide energy for the body.
- 碳水化合物：为身体提供能量。
- Protein: Hỗ trợ quá trình xây dựng và phục hồi tế bào.
- Protein: Supports the process of building and repair-
ing cells.
- 蛋白质：支持细胞构建和修复过程。
- Natri: Giúp duy trì cân bằng nước trong cơ thể.
- Sodium: Helps maintain the balance of water in the
body.
- 钠：帮助维持体内水分平衡。
- Vitamin A: Có lợi cho sức khỏe mắt và hệ miễn dịch có
thể hỗ trợ trong việc bảo vệ các tế bào khỏi tổn thương.
- Vitamin A: Beneficial for eye health and the immune
system, and may help protect cells from damage.
- 维生素A：有益于眼睛健康和免疫系统，并可能有助
于保护细胞免受损伤。
- Sắt: Cung cấp khoáng chất, tăng cường hệ miễn dịch.
- Iron: Provides minerals and boosts the immune
system.
- 铁：提供矿物质，增强免疫系统。

4. Chức năng Functions 功能

- Tăng cường sức khỏe: Tăng cường sức đề kháng,
giúp cơ thể chống lại bệnh tật.
- Strengthen Health: Improve resistance, help the body
fight disease.
- 增强健康：提升免疫力，帮助身体抵抗疾病。
- Giải độc cơ thể: Hỗ trợ quá trình thanh lọc, loại bỏ
độc tố ra khỏi cơ thể.
- Detoxify the Body: Support the purification process,
remove toxins from the body.
- 排毒：支持净化过程，帮助排除体内毒素。
- Cải thiện tiêu hóa: Hỗ trợ hệ tiêu hóa hoạt động hiệu
quả, giúp bạn cảm thấy dễ chịu hơn.
- Improve Digestion: Supports the digestive system to
function effectively, helping you feel more relieved.
- 改善消化：帮助消化系统有效运作，让您感觉更舒
适

5. Hướng dẫn sử dụng Instructions for Use 使用说明

- Liều dùng: Uống 15-30ml mỗi ngày, có thể pha với
nước hoặc đồ uống khác.
- Dosage: Drink 15-30ml per day, can be mixed with
water or other drinks.
- 用量：每日饮用15-30毫升，可与水或其他饮品混
合。
- Bảo quản: Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát.
- Storage: Store in a cool, dry place.
- 储存：存放于阴凉干燥处



天然发酵的诺丽果汁
NONI FERMENTED FRUIT JUICE

Nước Nhà L1 Lên Men 3-0

NONI L1 - ENZYME FRUIT JUICE 3-0

Nước ép trái cây 100%:

- Không chất bảo quản.
- Không có chất màu.
- Không có hương liệu.

Thành phần:

- Đường khử: 5,27g/100g;
- Chất đạm: 0,033g/100g;
- Chất béo: 8.750g/100g;
- Cellulose, khoáng chất, canxi, kali, natri, selen, sắt và vitamin tổng hợp...: 19,33 (%)

Cơ chế:

- Dư lượng chất xơ, vitamin, khoáng chất (cô đặc: 50-80%)

Tác dụng:

- Lợi tiểu, ruột, tiêu hóa. • Làm mát và bù nước..
- Tăng cường hệ thống miễn dịch .. • Sản xuất enzyme thiết yếu..
- Hỗ trợ phòng chống ung thư..
- Giúp cân bằng lượng vi khuẩn có lợi và có hại trong cơ thể...
- Làm săn chắc và mịn da.
- Giảm cân hiệu quả (an toàn)...
- Giảm đau xương khớp (có thể điều trị). Tốt cho tóc..
- Nuôi dưỡng sức khỏe, tăng sức sống.. Ngăn ngừa bệnh tiểu đường, (có thể được điều trị) cân bằng huyết áp ..
- Cải thiện trí nhớ.. Ngăn ngừa cục máu đông cục bộ, giảm nguy cơ đột quỵ. Illinois, Hoa Kỳ, được chứng minh là làm giảm cholesterol có hại.

Hướng dẫn bảo quản:

- Tốt hơn 5-10c (nơi khô ráo, tránh ánh nắng mặt trời)

Hướng dẫn sử dụng:

- Uống 100ml-150ml 3 lần/ngày sau bữa ăn.
 - Uống liên tục trong thời gian dài rất tốt cho sức khỏe.
 - Ngon khi để trong tủ lạnh, ướp lạnh với đá.
 - Sử dụng nhiều lần khi mở
- Hạn sử dụng: 36 tháng
(giá trị theo thời gian)



NONI L1 - ENZYME FRUIT JUICE 3-0

NONI L1 - 酶类水果饮品 3-0

100% Noni fruit juice:
100%果汁

Ingredients:
成分

Mechanism:
机制

Uses:
功效

- No preservatives. - 不含防腐剂
- No colorants. - 不含色素
- No flavorings. - 不含香料

- Reducing sugar: 5.27g/100g;
- Protein: 0.033g/100g;
- Lipid: 8.750g/100g;
- Cellulose, minerals, calcium, potassium, sodium, selenium, iron and multivitamins...: 19.33 (%)

- Fiber residue, vitamins, minerals (concentrated:50-80%)
- 残余纤维、维生素、矿物质 (浓缩: 50-80%)

- Diuretic, intestinal, digestive. • Cooling and rehydration.. • Strengthening the immune system..
- Producing essential enzymes..
- Supporting the prevention of cancer..
- Helping to balance the amount of beneficial and harmful bacteria in the body ... • Firming and smoothing the skin.
- Effective weight loss (safe) ...
- Reducing bone and joint pain (can be treated). Good for hair.. Nourishing health, increasing vitality.. Preventing diabetes, (can be treated) balancing blood pressure.. Improving memory.. Preventing local blood clots, reducing the risk of stroke. Illinois, USA, proven to reduce harmful cholesterol.
- 利尿，促进肠道蠕动和消化.- 清凉解渴，补充水分
- 增强免疫系统.- 促进必需酶的生成
- 有助于预防癌症.- 平衡体内有益菌和有害菌的数量
- 使肌肤紧致光滑.- 安全有效地减重
- 缓解骨关节疼痛 (可辅助治疗)，有益头发健康
- 滋养身体，提升活力
- 预防糖尿病 (可辅助治疗)，帮助平衡血压
- 改善记忆力.- 预防局部血栓，降低中风风险
- 美国伊利诺伊州研究证实，有助于降低有害胆固醇

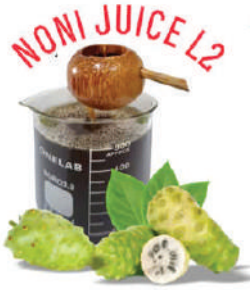
Storage Instructions:
保存方法

- Better than 5-10c (dry place, avoid sunlight)
- 温度优于5-10°C，存放在干燥阴凉处，避免阳光直射

Instructions for Use:
使用说明

- Drink 100ml-150ml 3 times/day after meals.
- 每天饮用3次，每次100-150ml，餐后饮用
- Long-term continuous drinking is good for health.
- 长期饮用对健康非常有益
- Delicious when kept in the refrigerator, chilled with ice.
- 冷藏或加冰后口感更佳
- Use many times when opened
- 开封后可多次饮用

Expiry Date: indefinite - (value over time).
保质期：36个月 (以产品标注为准)



Nước Nhàu L2 Lên Men 3-0



FERMENTED NONI L2 3-0

Thành phần:

Ingredients

成分:

Kết hợp và sản xuất:

Formulation and Production:

适用与生产:

-Lên men quả nhàu 100% vitamin và khoáng chất tự nhiên.

-100% Noni enzyme with natural vitamins and minerals.

- 100% 发酵诺尼果 · 含天然维生素和矿物质

- Nước uống giải khát có Gas và nitơ $7\% \leq 10\%$

-Carbonated and nitrogen-infused beverage $7\% \leq 10\%$

- 含气和氮气的功能性饮料 $7\% \leq 10\%$

- Các sản phẩm bổ sung lên men (enzyme) $60\% \leq 80\%$

- Fermented dietary supplements (enzymes) $60\% \leq 80\%$

- 发酵类补充产品 (酵素) $60\% \leq 80\%$

- Thực phẩm bổ sung và chức năng (có thể điều trị) $60\% \leq 80\%$

- Dietary and functional supplements (with therapeutic effects) $60\% \leq 80\%$

- 保健功能性食品 (可用于辅助治疗) $60\% \leq 80\%$

- Tất cả đường thông thường và ăn kiêng $7\% \leq 15\%$

- Conventional and sugar-free sweeteners $7\% \leq 15\%$

- 所有类型的糖类 (普通糖及代糖) $7\% \leq 15\%$

-Tất cả nước ép trái cây tươi và dịch chiết cô đặc $60\% \leq 80\%$

- Fresh fruit juices and concentrated extracts $60\% \leq 80\%$

- 所有鲜榨果汁与浓缩萃取液 $60\% \leq 80\%$

-Tất cả các VITAMIN khoáng chất: % tùy thuộc $1\% \leq 5\%$

- Vitamins and minerals: percentage may vary $1\% \leq 5\%$

- 所有维生素及矿物质 : % 含量视情况而定 $1\% \leq 5\%$

Cơ chế:

Mechanism:

作用机制:

- Cặn xơ khoáng chất $5\% \leq 10\%$

- 矿物质膳食纤维残渣 (浓缩) $5\% \leq 10\%$

- (Concentrated) mineral fiber residue $5\% \leq 10\%$

- Có thể hoạt động ở nhiệt độ dưới 45 độ C, ở nhiệt độ 60 độ C duy trì 23% hoạt tính

- 可在45°C以下环境中保持活性 60°C时可维持23%的活性

- Function at temperatures below 45°C. Retains 23% activity at 60°C

Bảo quản:

Storage:

保存方式:

- Nơi khô ráo (không trực tiếp tia cực tím)

- Tốt hơn ở nhiệt độ mát 5 - 10c

- Dry place (away from direct ultraviolet light)

- Preferably stored at 5-10°C (cool temperature)

- 存放于干燥处 (避免阳光直射)

- 最佳保存温度为5-10°C



Nước Nhàu Lên Men X3



FERMENTED NONI X3

Thành phần:

Ingredients

成分:

Kết hợp và sản xuất:

Formulation and Production:

适用与生产:

-Lên men quả nhàu 100% vitamin và khoáng chất tự nhiên.

- 100% Noni enzyme with natural vitamins and minerals.

- 100% 发酵诺尼果 · 含天然维生素和矿物质

- Nước uống giải khát có Gas và nitơ $7\% \leq 10\%$

- Carbonated and nitrogen-infused beverage $7\% \leq 10\%$

- 含气和氮气的功能性饮料 $7\% \leq 10\%$

- Các sản phẩm bổ sung lên men (enzyme) $60\% \leq 80\%$

- Fermented dietary supplements (enzymes) $60\% \leq 80\%$

- 发酵类补充产品 (酵素) $60\% \leq 80\%$

- Thực phẩm bổ sung và chức năng (có thể điều trị) $60\% \leq 80\%$

- Dietary and functional supplements (with therapeutic effects) $60\% \leq 80\%$

- 保健功能性食品 (可用于辅助治疗) $60\% \leq 80\%$

- Tất cả đường thông thường và ăn kiêng $7\% \leq 15\%$

- Conventional and sugar-free sweeteners $7\% \leq 15\%$

- 所有类型的糖类 (普通糖及代糖) $7\% \leq 15\%$

- Tất cả nước ép trái cây tươi và dịch chiết cô đặc $60\% \leq 80\%$

- Fresh fruit juices and concentrated extracts $60\% \leq 80\%$

- 所有鲜榨果汁与浓缩萃取液 $60\% \leq 80\%$

- Tất cả các VITAMIN khoáng chất: % tùy thuộc $1\% \leq 5\%$

- Vitamins and minerals: percentage may vary $1\% \leq 5\%$

- 所有维生素及矿物质: % 含量视情况而定 $1\% \leq 5\%$

Cơ chế:

Mechanism:

作用机制:

- Cặn xơ khoáng chất $5\% \leq 10\%$

- 矿物质膳食纤维残渣 (浓缩) $5\% \leq 10\%$

- (Concentrated) mineral fiber residue $5\% \leq 10\%$

- Có thể hoạt động ở nhiệt độ dưới 45 độ C, ở nhiệt độ 60 độ C duy trì 23% hoạt tính

- 可在45°C以下环境中保持活性 60°C时可维持23%的活性

- Function at temperatures below 45°C. Retains 23% activity at 60°C

Bảo quản:

Storage:

保存方式:

- Nơi khô ráo (không trực tiếp tia cực tím)

- Tốt hơn ở nhiệt độ mát 5 - 10c

- Dry place (away from direct ultraviolet light)

- Preferably stored at 5-10°C (cool temperature)

- 存放于干燥处 (避免阳光直射)

- 最佳保存温度为5-10°C



Nước Ép Ổi Đỏ Lên Men 3-0



FERMENTED GUAVA JUICE 3-0

Thành phần:

Ingredients

成分:

Kết hợp và sản xuất:

Formulation and Production:

适用与生产:

-Lên men quả ổi 100% vitamin và khoáng chất tự nhiên.

-100% fermented guava, natural vitamins and minerals.

- 100%发酵番石榴, 天然维生素和矿物质

- Nước uống giải khát có Gas và nitơ 7% ≤ 10%

-Carbonated and nitrogen-infused beverage 7% ≤ 10%

- 含气和氮气的功能性饮料 7% ≤ 10%

- Các sản phẩm bổ sung lên men (enzyme) 60% ≤ 80%

- Fermented dietary supplements (enzymes) 60% ≤ 80%

- 发酵类补充产品 (酵素) 60% ≤ 80%

- Thực phẩm bổ sung và chức năng (có thể điều trị)60% ≤ 80%

- Dietary and functional supplements (with therapeutic

effects)60% ≤ 80%

- 保健功能性食品 (可用于辅助治疗) 60% ≤ 80%

- Tất cả đường thông thường và ăn kiêng 7% ≤ 15%

- Conventional and sugar-free sweeteners 7% ≤ 15%

- 所有类型的糖类 (普通糖及代糖) 7% ≤ 15%

-Tất cả nước ép trái cây tươi và dịch chiết cô đặc 60% ≤ 80%

- Fresh fruit juices and concentrated extracts 60% ≤ 80%

- 所有鲜榨果汁与浓缩萃取液 60% ≤ 80%

-Tất cả các VITAMIN khoáng chất: % tùy thuộc 1% ≤ 5%

- Vitamins and minerals: percentage may vary 1% ≤ 5%

- 所有维生素及矿物质 : % 含量视情况而定 1% ≤ 5%

Cơ chế:

Mechanism:

作用机制:

- Cặn xơ khoáng chất 5% ≤ 10%

- 矿物质膳食纤维残渣 (浓缩) 5% ≤ 10%

- (Concentrated) mineral fiber residue 5% ≤ 10%

- Có thể hoạt động ở nhiệt độ dưới 45 độ C, ở nhiệt độ 60 độ C duy trì 23% hoạt tính

- 可在45℃以下环境中保持活性 60℃时可维持23%的活性

- Function at temperatures below 45°C. Retains 23% activity at 60°C

Bảo quản:

Storage:

保存方式:

- Nơi khô ráo (không trực tiếp tia cực tím)

- Tốt hơn ở nhiệt độ mát 5 - 10c

- Dry place (away from direct ultraviolet light)

- Preferably stored at 5-10°C (cool temperature)

- 存放于干燥处 (避免阳光直射)

- 最佳保存温度为5-10℃



Nước Ép Thơm Lên Men 3-0



FERMENTED PINEAPPLE JUICE 3-0

Thành phần:

Ingredients

成分:

Kết hợp và sản xuất:

Formulation and Production:

适用与生产:

- Lên men quả thơm 100% vitamin và khoáng chất tự nhiên.
- 100% fermented pineapple with natural vitamins and minerals.
- 100% 发酵菠萝,天然维生素和矿物质

- Nước uống giải khát có Gas và nitơ $7\% \leq 10\%$
- Carbonated and nitrogen-infused beverage $7\% \leq 10\%$
- 含气和氮气的功能性饮料 $7\% \leq 10\%$
- Các sản phẩm bổ sung lên men (enzyme) $60\% \leq 80\%$
- Fermented dietary supplements (enzymes) $60\% \leq 80\%$
- 发酵类补充产品 (酵素) $60\% \leq 80\%$
- Thực phẩm bổ sung và chức năng (có thể điều trị) $60\% \leq 80\%$
- Dietary and functional supplements (with therapeutic effects) $60\% \leq 80\%$
- 保健功能性食品 (可用于辅助治疗) $60\% \leq 80\%$
- Tất cả đường thông thường và ăn kiêng $7\% \leq 15\%$
- Conventional and sugar-free sweeteners $7\% \leq 15\%$
- 所有类型的糖类 (普通糖及代糖) $7\% \leq 15\%$
- Tất cả nước ép trái cây tươi và dịch chiết cô đặc $60\% \leq 80\%$
- Fresh fruit juices and concentrated extracts $60\% \leq 80\%$
- 所有鲜榨果汁与浓缩萃取液 $60\% \leq 80\%$
- Tất cả các VITAMIN khoáng chất: % tùy thuộc $1\% \leq 5\%$
- Vitamins and minerals: percentage may vary $1\% \leq 5\%$
- 所有维生素及矿物质 : % 含量视情况而定 $1\% \leq 5\%$

Cơ chế:

Mechanism:

作用机制:

- Cặn xơ khoáng chất $5\% \leq 10\%$
- 矿物质膳食纤维残渣 (浓缩) $5\% \leq 10\%$
- (Concentrated) mineral fiber residue $5\% \leq 10\%$
- Có thể hoạt động ở nhiệt độ dưới 45 độ C,ở nhiệt độ 60 độ C duy trì 23% hoạt tính
- 可在45°C以下环境中保持活性 60°C时可维持23%的活性
- Function at temperatures below 45°C. Retains 23% activity at 60°C

Bảo quản:

Storage:

保存方式:

- Nơi khô ráo (không trực tiếp tia cực tím)
- Tốt hơn ở nhiệt độ mát 5 - 10c
- Dry place (away from direct ultraviolet light)
- Preferably stored at 5-10°C (cool temperature)
- 存放于干燥处 (避免阳光直射)
- 最佳保存温度为5-10°C



Nước Ép Dưa Hấu Lên Men 3-0



FERMENTED WATERMELON JUICE 3-0

Thành phần:

Ingredients

成分:

Kết hợp và sản xuất:

Formulation and Production:

适用与生产:

- Lên men quả dưa hấu 100% vitamin và khoáng chất tự nhiên.
- 100% Watermelon Fermentation with natural vitamins and minerals.
- 100%西瓜发酵，含天然维生素和矿物质

- Nước uống giải khát có Gas và nitơ 7% ≤ 10%
- Carbonated and nitrogen-infused beverage 7% ≤ 10%
- 含气和氮气的功能性饮料 7% ≤ 10%
- Các sản phẩm bổ sung lên men (enzyme) 60% ≤ 80%
- Fermented dietary supplements (enzymes) 60% ≤ 80%
- 发酵类补充产品 (酵素) 60% ≤ 80%
- Thực phẩm bổ sung và chức năng (có thể điều trị)60% ≤ 80%
- Dietary and functional supplements (with therapeutic effects)60% ≤ 80%
- 保健功能性食品 (可用于辅助治疗) 60% ≤ 80%
- Tất cả đường thông thường và ăn kiêng 7% ≤ 15%
- Conventional and sugar-free sweeteners 7% ≤ 15%
- 所有类型的糖类 (普通糖及代糖) 7% ≤ 15%
- Tất cả nước ép trái cây tươi và dịch chiết cô đặc 60% ≤ 80%
- Fresh fruit juices and concentrated extracts 60% ≤ 80%
- 所有鲜榨果汁与浓缩萃取液 60% ≤ 80%
- Tất cả các VITAMIN khoáng chất: % tùy thuộc 1% ≤ 5%
- Vitamins and minerals: percentage may vary 1% ≤ 5%
- 所有维生素及矿物质：% 含量视情况而定 1% ≤ 5%

Cơ chế:

Mechanism:

作用机制:

- Cặn xơ khoáng chất 5% ≤ 10%
- 矿物质膳食纤维残渣 (浓缩) 5% ≤ 10%
- (Concentrated) mineral fiber residue 5% ≤ 10%
- Có thể hoạt động ở nhiệt độ dưới 45 độ C,ở nhiệt độ 60 độ C duy trì 23% hoạt tính
- 可在45℃以下环境中保持活性 60℃时可维持23%的活性
- Function at temperatures below 45°C. Retains 23% activity at 60°C

Bảo quản:

Storage:

保存方式:

- Nơi khô ráo (không trực tiếp tia cực tím)
- Tốt hơn ở nhiệt độ mát 5 - 10c
- Dry place (away from direct ultraviolet light)
- Preferably stored at 5-10°C (cool temperature)
- 存放于干燥处 (避免阳光直射)
- 最佳保存温度为5-10°C



发酵绿葡萄汁 3-0

FERMENTED GREEN GRAPE JUICE 3-0

Nước Ép Nho Xanh Lên Men 3-0



FERMENTED GREEN GRAPE JUICE 3-0

Thành phần:

Ingredients

成分:

Kết hợp và sản xuất:

Formulation and Production:

适用与生产:

- Lên men quả nho xanh 100% vitamin và khoáng chất tự nhiên.
- 100% green grape fermentation with natural vitamins and minerals.
- 100%绿葡萄发酵，含天然维生素和矿物质

- Nước uống giải khát có Gas và nitơ $7\% \leq 10\%$
- Carbonated and nitrogen-infused beverage $7\% \leq 10\%$
- 含气和氮气的功能性饮料 $7\% \leq 10\%$
- Các sản phẩm bổ sung lên men (enzyme) $60\% \leq 80\%$
- Fermented dietary supplements (enzymes) $60\% \leq 80\%$
- 发酵类补充产品 (酵素) $60\% \leq 80\%$
- Thực phẩm bổ sung và chức năng (có thể điều trị) $60\% \leq 80\%$
- Dietary and functional supplements (with therapeutic effects) $60\% \leq 80\%$
- 保健功能性食品 (可用于辅助治疗) $60\% \leq 80\%$
- Tất cả đường thông thường và ăn kiêng $7\% \leq 15\%$
- Conventional and sugar-free sweeteners $7\% \leq 15\%$
- 所有类型的糖类 (普通糖及代糖) $7\% \leq 15\%$
- Tất cả nước ép trái cây tươi và dịch chiết cô đặc $60\% \leq 80\%$
- Fresh fruit juices and concentrated extracts $60\% \leq 80\%$
- 所有鲜榨果汁与浓缩萃取液 $60\% \leq 80\%$
- Tất cả các VITAMIN khoáng chất: % tùy thuộc $1\% \leq 5\%$
- Vitamins and minerals: percentage may vary $1\% \leq 5\%$
- 所有维生素及矿物质: % 含量视情况而定 $1\% \leq 5\%$

Cơ chế:

Mechanism:

作用机制:

- Cặn xơ khoáng chất $5\% \leq 10\%$
- 矿物质膳食纤维残渣 (浓缩) $5\% \leq 10\%$
- (Concentrated) mineral fiber residue $5\% \leq 10\%$
- Có thể hoạt động ở nhiệt độ dưới 45 độ C, ở nhiệt độ 60 độ C duy trì 23% hoạt tính
- 可在45°C以下环境中保持活性 60°C时可维持23%的活性
- Function at temperatures below 45°C. Retains 23% activity at 60°C

Bảo quản:

Storage:

保存方式:

- Nơi khô ráo (không trực tiếp tia cực tím)
- Tốt hơn ở nhiệt độ mát 5 - 10c
- Dry place (away from direct ultraviolet light)
- Preferably stored at 5-10°C (cool temperature)
- 存放于干燥处 (避免阳光直射)
- 最佳保存温度为5-10°C



Nước Ép Táo Xanh Lên Men 3-0



FERMENTED GREEN APPLE JUICE 3-0

Thành phần:

Ingredients

成分:

Kết hợp và sản xuất:

Formulation and Production:

适用与生产:

- Lên men quả táo xanh 100% vitamin và khoáng chất tự nhiên.
- 100% green apple fermentation with natural vitamins and minerals.
- 100% 发酵诺尼果，含天然维生素和矿物质

- Nước uống giải khát có Gas và nitơ $7\% \leq 10\%$
- Carbonated and nitrogen-infused beverage $7\% \leq 10\%$
- 含气和氮气的功能性饮料 $7\% \leq 10\%$
- Các sản phẩm bổ sung lên men (enzyme) $60\% \leq 80\%$
- Fermented dietary supplements (enzymes) $60\% \leq 80\%$
- 发酵类补充产品 (酵素) $60\% \leq 80\%$
- Thực phẩm bổ sung và chức năng (có thể điều trị) $60\% \leq 80\%$
- Dietary and functional supplements (with therapeutic effects) $60\% \leq 80\%$
- 保健功能性食品 (可用于辅助治疗) $60\% \leq 80\%$
- Tất cả đường thông thường và ăn kiêng $7\% \leq 15\%$
- Conventional and sugar-free sweeteners $7\% \leq 15\%$
- 所有类型的糖类 (普通糖及代糖) $7\% \leq 15\%$
- Tất cả nước ép trái cây tươi và dịch chiết cô đặc $60\% \leq 80\%$
- Fresh fruit juices and concentrated extracts $60\% \leq 80\%$
- 所有鲜榨果汁与浓缩萃取液 $60\% \leq 80\%$
- Tất cả các VITAMIN khoáng chất: % tùy thuộc $1\% \leq 5\%$
- Vitamins and minerals: percentage may vary $1\% \leq 5\%$
- 所有维生素及矿物质：% 含量视情况而定 $1\% \leq 5\%$

Cơ chế:

Mechanism:

作用机制:

- Cặn xơ khoáng chất $5\% \leq 10\%$
- 矿物质膳食纤维残渣 (浓缩) $5\% \leq 10\%$
- (Concentrated) mineral fiber residue $5\% \leq 10\%$
- Có thể hoạt động ở nhiệt độ dưới 45 độ C,ở nhiệt độ 60 độ C duy trì 23% hoạt tính
- 可在45℃以下环境中保持活性 60℃时可维持23%的活性
- Function at temperatures below 45°C. Retains 23% activity at 60°C

Bảo quản:

Storage:

保存方式:

- Nơi khô ráo (không trực tiếp tia cực tím)
- Tốt hơn ở nhiệt độ mát 5 - 10c
- Dry place (away from direct ultraviolet light)
- Preferably stored at 5-10°C (cool temperature)
- 存放于干燥处 (避免阳光直射)
- 最佳保存温度为5-10°C

Rễ Cam Thảo Lên Men X3



FERMENTED LICORICE ROOT X3

Thành phần:

Ingredients

成分:

Kết hợp và sản xuất:

Formulation and Production:

适用与生产:

- Lên men rễ cam thảo 100% vitamin và khoáng chất tự nhiên.
- 100% Licorice Root Fermentation with natural vitamins and minerals.
- 100% 甘草根发酵，含天然维生素和矿物质

- Nước uống giải khát có Gas và nitơ $7\% \leq 10\%$
- Carbonated and nitrogen-infused beverage $7\% \leq 10\%$
- 含气和氮气的功能性饮料 $7\% \leq 10\%$
- Các sản phẩm bổ sung lên men (enzyme) $60\% \leq 80\%$
- Fermented dietary supplements (enzymes) $60\% \leq 80\%$
- 发酵类补充产品 (酵素) $60\% \leq 80\%$
- Thực phẩm bổ sung và chức năng (có thể điều trị) $60\% \leq 80\%$
- Dietary and functional supplements (with therapeutic effects) $60\% \leq 80\%$
- 保健功能性食品 (可用于辅助治疗) $60\% \leq 80\%$
- Tất cả đường thông thường và ăn kiêng $7\% \leq 15\%$
- Conventional and sugar-free sweeteners $7\% \leq 15\%$
- 所有类型的糖类 (普通糖及代糖) $7\% \leq 15\%$
- Tất cả nước ép trái cây tươi và dịch chiết cô đặc $60\% \leq 80\%$
- Fresh fruit juices and concentrated extracts $60\% \leq 80\%$
- 所有鲜榨果汁与浓缩萃取液 $60\% \leq 80\%$
- Tất cả các VITAMIN khoáng chất: % tùy thuộc $1\% \leq 5\%$
- Vitamins and minerals: percentage may vary $1\% \leq 5\%$
- 所有维生素及矿物质：% 含量视情况而定 $1\% \leq 5\%$

Cơ chế:

Mechanism:

作用机制:

- Cặn xơ khoáng chất $5\% \leq 10\%$
- 矿物质膳食纤维残渣 (浓缩) $5\% \leq 10\%$
- (Concentrated) mineral fiber residue $5\% \leq 10\%$
- Có thể hoạt động ở nhiệt độ dưới 45 độ C,ở nhiệt độ 60 độ C duy trì 23% hoạt tính
- 可在45℃以下环境中保持活性 60℃时可维持23%的活性
- Function at temperatures below 45℃. Retains 23% activity at 60℃

Bảo quản:

Storage:

保存方式:

- Nơi khô ráo (không trực tiếp tia cực tím)
- Tốt hơn ở nhiệt độ mát 5 - 10c
- Dry place (away from direct ultraviolet light)
- Preferably stored at 5-10℃ (cool temperature)
- 存放于干燥处 (避免阳光直射)
- 最佳保存温度为5-10℃



La Hán Quả Lên Men X3



FERMENTED MONK FRUIT X3

Thành phần:

Ingredients

成分:

Kết hợp và sản xuất:

Formulation and Production:

适用与生产:

- Lên men quả la hán quả 100% vitamin và khoáng chất tự nhiên.
- 100% Fermented monk fruit with natural vitamins and minerals.
- 100% 发酵罗汉果，含天然维生素和矿物质

- Nước uống giải khát có Gas và nitơ $7\% \leq 10\%$
- Carbonated and nitrogen-infused beverage $7\% \leq 10\%$
- 含气和氮气的功能性饮料 $7\% \leq 10\%$
- Các sản phẩm bổ sung lên men (enzyme) $60\% \leq 80\%$
- Fermented dietary supplements (enzymes) $60\% \leq 80\%$
- 发酵类补充产品 (酵素) $60\% \leq 80\%$
- Thực phẩm bổ sung và chức năng (có thể điều trị) $60\% \leq 80\%$
- Dietary and functional supplements (with therapeutic effects) $60\% \leq 80\%$
- 保健功能性食品 (可用于辅助治疗) $60\% \leq 80\%$
- Tất cả đường thông thường và ăn kiêng $7\% \leq 15\%$
- Conventional and sugar-free sweeteners $7\% \leq 15\%$
- 所有类型的糖类 (普通糖及代糖) $7\% \leq 15\%$
- Tất cả nước ép trái cây tươi và dịch chiết cô đặc $60\% \leq 80\%$
- Fresh fruit juices and concentrated extracts $60\% \leq 80\%$
- 所有鲜榨果汁与浓缩萃取液 $60\% \leq 80\%$
- Tất cả các VITAMIN khoáng chất: % tùy thuộc $1\% \leq 5\%$
- Vitamins and minerals: percentage may vary $1\% \leq 5\%$
- 所有维生素及矿物质：% 含量视情况而定 $1\% \leq 5\%$

Cơ chế:

Mechanism:

作用机制:

- Cặn xơ khoáng chất $5\% \leq 10\%$
- 矿物质膳食纤维残渣 (浓缩) $5\% \leq 10\%$
- (Concentrated) mineral fiber residue $5\% \leq 10\%$
- Có thể hoạt động ở nhiệt độ dưới 45 độ C, ở nhiệt độ 60 độ C duy trì 23% hoạt tính
- 可在45°C以下环境中保持活性 60°C时可维持23%的活性
- Function at temperatures below 45°C. Retains 23% activity at 60°C

Bảo quản:

Storage:

保存方式:

- Nơi khô ráo (không trực tiếp tia cực tím)
- Tốt hơn ở nhiệt độ mát 5 - 10c
- Dry place (away from direct ultraviolet light)
- Preferably stored at 5-10°C (cool temperature)
- 存放于干燥处 (避免阳光直射)
- 最佳保存温度为5-10°C



发酵炖草 X3

FERMENTED STEVIA X3

Lá Cỏ Ngọt Lên Men X3



FERMENTED STEVIA X3

Thành phần:

Ingredients

成分:

Kết hợp và sản xuất:

Formulation and Production:

适用与生产:

- Lên men lá cỏ ngọt 100% vitamin và khoáng chất tự nhiên.
- 100% Fermented Stevia with natural vitamins and minerals.
- 100% 甜菊叶发酵，含天然维生素和矿物质

- Nước uống giải khát có Gas và nitơ $7\% \leq 10\%$
- Carbonated and nitrogen-infused beverage $7\% \leq 10\%$
- 含气和氮气的功能性饮料 $7\% \leq 10\%$
- Các sản phẩm bổ sung lên men (enzyme) $60\% \leq 80\%$
- Fermented dietary supplements (enzymes) $60\% \leq 80\%$
- 发酵类补充产品 (酵素) $60\% \leq 80\%$
- Thực phẩm bổ sung và chức năng (có thể điều trị) $60\% \leq 80\%$
- Dietary and functional supplements (with therapeutic effects) $60\% \leq 80\%$
- 保健功能性食品 (可用于辅助治疗) $60\% \leq 80\%$
- Tất cả đường thông thường và ăn kiêng $7\% \leq 15\%$
- Conventional and sugar-free sweeteners $7\% \leq 15\%$
- 所有类型的糖类 (普通糖及代糖) $7\% \leq 15\%$
- Tất cả nước ép trái cây tươi và dịch chiết cô đặc $60\% \leq 80\%$
- Fresh fruit juices and concentrated extracts $60\% \leq 80\%$
- 所有鲜榨果汁与浓缩萃取液 $60\% \leq 80\%$
- Tất cả các VITAMIN khoáng chất: % tùy thuộc $1\% \leq 5\%$
- Vitamins and minerals: percentage may vary $1\% \leq 5\%$
- 所有维生素及矿物质：% 含量视情况而定 $1\% \leq 5\%$

Cơ chế:

Mechanism:

作用机制:

- Cặn xơ khoáng chất $5\% \leq 10\%$
- 矿物质膳食纤维残渣 (浓缩) $5\% \leq 10\%$
- (Concentrated) mineral fiber residue $5\% \leq 10\%$
- Có thể hoạt động ở nhiệt độ dưới 45 độ C, ở nhiệt độ 60 độ C duy trì 23% hoạt tính
- 可在45°C以下环境中保持活性 60°C时可维持23%的活性
- Function at temperatures below 45°C. Retains 23% activity at 60°C

Bảo quản:

Storage:

保存方式:

- Nơi khô ráo (không trực tiếp tia cực tím)
- Tốt hơn ở nhiệt độ mát 5 - 10c
- Dry place (away from direct ultraviolet light)
- Preferably stored at 5-10°C (cool temperature)
- 存放于干燥处 (避免阳光直射)
- 最佳保存温度为5-10°C

Củ Đảng Sâm Lên Men X3



FERMENTED CODONOPSIS ROOT X3

Thành phần:

Ingredients

成分:

Kết hợp và sản xuất:

Formulation and Production:

适用与生产:

- Lên men củ đảng sâm 100% vitamin và khoáng chất tự nhiên.
- 100% Fermented Codonopsis Root with natural vitamins and minerals.
- 100%发酵人参根 · 含天然维生素和矿物质

- Nước uống giải khát có Gas và nitơ $7\% \leq 10\%$
- Carbonated and nitrogen-infused beverage $7\% \leq 10\%$
- 含气和氮气的功能性饮料 $7\% \leq 10\%$
- Các sản phẩm bổ sung lên men (enzyme) $60\% \leq 80\%$
- Fermented dietary supplements (enzymes) $60\% \leq 80\%$
- 发酵类补充产品 (酵素) $60\% \leq 80\%$
- Thực phẩm bổ sung và chức năng (có thể điều trị) $60\% \leq 80\%$
- Dietary and functional supplements (with therapeutic effects) $60\% \leq 80\%$
- 保健功能性食品 (可用于辅助治疗) $60\% \leq 80\%$
- Tất cả đường thông thường và ăn kiêng $7\% \leq 15\%$
- Conventional and sugar-free sweeteners $7\% \leq 15\%$
- 所有类型的糖类 (普通糖及代糖) $7\% \leq 15\%$
- Tất cả nước ép trái cây tươi và dịch chiết cô đặc $60\% \leq 80\%$
- Fresh fruit juices and concentrated extracts $60\% \leq 80\%$
- 所有鲜榨果汁与浓缩萃取液 $60\% \leq 80\%$
- Tất cả các VITAMIN khoáng chất: % tùy thuộc $1\% \leq 5\%$
- Vitamins and minerals: percentage may vary $1\% \leq 5\%$
- 所有维生素及矿物质 : % 含量视情况而定 $1\% \leq 5\%$

Cơ chế:

Mechanism:

作用机制:

- Cặn xơ khoáng chất $5\% \leq 10\%$
- 矿物质膳食纤维残渣 (浓缩) $5\% \leq 10\%$
- (Concentrated) mineral fiber residue $5\% \leq 10\%$
- Có thể hoạt động ở nhiệt độ dưới 45 độ C,ở nhiệt độ 60 độ C duy trì 23% hoạt tính
- 可在45℃以下环境中保持活性 60℃时可维持23%的活性
- Function at temperatures below 45°C. Retains 23% activity at 60°C

Bảo quản:

Storage:

保存方式:

- Nơi khô ráo (không trực tiếp tia cực tím)
- Tốt hơn ở nhiệt độ mát 5 - 10c
- Dry place (away from direct ultraviolet light)
- Preferably stored at 5-10°C (cool temperature)
- 存放于干燥处 (避免阳光直射)
- 最佳保存温度为5-10℃



Củ Nhân Sâm Lên Men X3

FERMENTED GINSENG X3

Thành phần:

Ingredients

成分:

Kết hợp và sản xuất:

Formulation and Production:

适用与生产:

- Lên men củ nhân sâm 100% vitamin và khoáng chất tự nhiên.
- 100% fermented ginseng with natural vitamins and minerals.
- 100% 发酵人参根，含天然维生素和矿物质

- Nước uống giải khát có Gas và nitơ $7\% \leq 10\%$
- Carbonated and nitrogen-infused beverage $7\% \leq 10\%$
- 含气和氮气的功能性饮料 $7\% \leq 10\%$
- Các sản phẩm bổ sung lên men (enzyme) $60\% \leq 80\%$
- Fermented dietary supplements (enzymes) $60\% \leq 80\%$
- 发酵类补充产品 (酵素) $60\% \leq 80\%$
- Thực phẩm bổ sung và chức năng (có thể điều trị) $60\% \leq 80\%$
- Dietary and functional supplements (with therapeutic effects) $60\% \leq 80\%$
- 保健功能性食品 (可用于辅助治疗) $60\% \leq 80\%$
- Tất cả đường thông thường và ăn kiêng $7\% \leq 15\%$
- Conventional and sugar-free sweeteners $7\% \leq 15\%$
- 所有类型的糖类 (普通糖及代糖) $7\% \leq 15\%$
- Tất cả nước ép trái cây tươi và dịch chiết cô đặc $60\% \leq 80\%$
- Fresh fruit juices and concentrated extracts $60\% \leq 80\%$
- 所有鲜榨果汁与浓缩萃取液 $60\% \leq 80\%$
- Tất cả các VITAMIN khoáng chất: % tùy thuộc $1\% \leq 5\%$
- Vitamins and minerals: percentage may vary $1\% \leq 5\%$
- 所有维生素及矿物质 : % 含量视情况而定 $1\% \leq 5\%$

Cơ chế:

Mechanism:

作用机制:

- Cặn xơ khoáng chất $5\% \leq 10\%$
- 矿物质膳食纤维残渣 (浓缩) $5\% \leq 10\%$
- (Concentrated) mineral fiber residue $5\% \leq 10\%$
- Có thể hoạt động ở nhiệt độ dưới 45 độ C, ở nhiệt độ 60 độ C duy trì 23% hoạt tính
- 可在45°C以下环境中保持活性 60°C时可维持23%的活性
- Function at temperatures below 45°C. Retains 23% activity at 60°C

Bảo quản:

Storage:

保存方式:

- Nơi khô ráo (không trực tiếp tia cực tím)
- Tốt hơn ở nhiệt độ mát 5 - 10c
- Dry place (away from direct ultraviolet light)
- Preferably stored at 5-10°C (cool temperature)
- 存放于干燥处 (避免阳光直射)
- 最佳保存温度为5-10°C



Củ Sâm Ngọc Linh Lên Men X3



FERMENTED PANAX VIETNAMENSIS X3

Thành phần:
Ingredients
成分:

Kết hợp và sản xuất:
Formulation and Production:
适用与生产:

Cơ chế:
Mechanism:
作用机制:

Bảo quản:
Storage:
保存方式:

- Lên men củ sâm ngọc linh 100% vitamin và khoáng chất tự nhiên.
- 100% Fermented Panax VietNamensis with natural vitamins and minerals.
- 100% 发酵玉灵人参，含天然维生素和矿物质
- Nước uống giải khát có Gas và nitơ 7% ≤ 10%
- Carbonated and nitrogen-infused beverage 7% ≤ 10%
- 含气和氮气的功能性饮料 7% ≤ 10%
- Các sản phẩm bổ sung lên men (enzyme) 60% ≤ 80%
- Fermented dietary supplements (enzymes) 60% ≤ 80%
- 发酵类补充产品 (酵素) 60% ≤ 80%
- Thực phẩm bổ sung và chức năng (có thể điều trị) 60% ≤ 80%
- Dietary and functional supplements (with therapeutic effects) 60% ≤ 80%
- 保健功能性食品 (可用于辅助治疗) 60% ≤ 80%
- Tất cả đường thông thường và ăn kiêng 7% ≤ 15%
- Conventional and sugar-free sweeteners 7% ≤ 15%
- 所有类型的糖类 (普通糖及代糖) 7% ≤ 15%
- Tất cả nước ép trái cây tươi và dịch chiết cô đặc 60% ≤ 80%
- Fresh fruit juices and concentrated extracts 60% ≤ 80%
- 所有鲜榨果汁与浓缩萃取液 60% ≤ 80%
- Tất cả các VITAMIN khoáng chất: % tùy thuộc 1% ≤ 5%
- Vitamins and minerals: percentage may vary 1% ≤ 5%
- 所有维生素及矿物质：% 含量视情况而定 1% ≤ 5%
- Cặn xơ khoáng chất 5% ≤ 10%
- 矿物质膳食纤维残渣 (浓缩) 5% ≤ 10%
- (Concentrated) mineral fiber residue 5% ≤ 10%
- Có thể hoạt động ở nhiệt độ dưới 45 độ C, ở nhiệt độ 60 độ C duy trì 23% hoạt tính
- 可在45℃以下环境中保持活性 60℃时可维持23%的活性
- Function at temperatures below 45°C. Retains 23% activity at 60°C
- Nơi khô ráo (không trực tiếp tia cực tím)
- Tốt hơn ở nhiệt độ mát 5 - 10c
- Dry place (away from direct ultraviolet light)
- Preferably stored at 5-10°C (cool temperature)
- 存放于干燥处 (避免阳光直射)
- 最佳保存温度为5-10°C



Củ Tam Thất Lên Men X3



FERMENTED NOTOGINSENG X3

Thành phần: Ingredients 成分:	-Lên men củ tam thất 100% vitamin và khoáng chất tự nhiên. - 100% Fermented Noto Ginseng with natural vitamins and minerals. - 100% 发酵三七，含天然维生素和矿物质
Kết hợp và sản xuất: Formulation and Production: 适用与生产:	- Nước uống giải khát có Gas và nitơ 7% ≤ 10% -Carbonated and nitrogen-infused beverage 7% ≤ 10% - 含气和氮气的功能性饮料 7% ≤ 10% - Các sản phẩm bổ sung lên men (enzyme) 60% ≤ 80% - Fermented dietary supplements (enzymes) 60% ≤ 80% - 发酵类补充产品 (酵素) 60% ≤ 80% - Thực phẩm bổ sung và chức năng (có thể điều trị)60% ≤ 80% - Dietary and functional supplements (with therapeutic effects)60% ≤ 80% - 保健功能性食品 (可用于辅助治疗) 60% ≤ 80% - Tất cả đường thông thường và ăn kiêng 7% ≤ 15% - Conventional and sugar-free sweeteners 7% ≤ 15% - 所有类型的糖类 (普通糖及代糖) 7% ≤ 15% -Tất cả nước ép trái cây tươi và dịch chiết cô đặc 60% ≤ 80% - Fresh fruit juices and concentrated extracts 60% ≤ 80% - 所有鲜榨果汁与浓缩萃取液 60% ≤ 80% -Tất cả các VITAMIN khoáng chất: % tùy thuộc 1% ≤ 5% - Vitamins and minerals: percentage may vary 1% ≤ 5% - 所有维生素及矿物质：% 含量视情况而定 1% ≤ 5%
Cơ chế: Mechanism: 作用机制:	- Cặn xơ khoáng chất 5% ≤ 10% - 矿物质膳食纤维残渣 (浓缩) 5% ≤ 10% - (Concentrated) mineral fiber residue 5% ≤ 10% - Có thể hoạt động ở nhiệt độ dưới 45 độ C,ở nhiệt độ 60 độ C duy trì 23% hoạt tính - 可在45℃以下环境中保持活性 60℃时可维持23%的活性 - Function at temperatures below 45℃. Retains 23% activity at 60℃
Bảo quản: Storage: 保存方式:	- Nơi khô ráo (không trực tiếp tia cực tím) - Tốt hơn ở nhiệt độ mát 5 - 10c - Dry place (away from direct ultraviolet light) - Preferably stored at 5-10℃ (cool temperature) - 存放于干燥处 (避免阳光直射) - 最佳保存温度为5-10℃



Quả Sung Lên Men X3



FERMENTED FIGS X3

Thành phần:

Ingredients

成分:

Kết hợp và sản xuất:

Formulation and Production:

适用与生产:

- Lên men quả sung 100% vitamin và khoáng chất tự nhiên.
- 100% Fermented Figs with natural vitamins and minerals.
- 100% 发酵无花果，含天然维生素和矿物质

- Nước uống giải khát có Gas và nitơ $7\% \leq 10\%$
- Carbonated and nitrogen-infused beverage $7\% \leq 10\%$
- 含气和氮气的功能性饮料 $7\% \leq 10\%$
- Các sản phẩm bổ sung lên men (enzyme) $60\% \leq 80\%$
- Fermented dietary supplements (enzymes) $60\% \leq 80\%$
- 发酵类补充产品 (酵素) $60\% \leq 80\%$
- Thực phẩm bổ sung và chức năng (có thể điều trị) $60\% \leq 80\%$
- Dietary and functional supplements (with therapeutic effects) $60\% \leq 80\%$
- 保健功能性食品 (可用于辅助治疗) $60\% \leq 80\%$
- Tất cả đường thông thường và ăn kiêng $7\% \leq 15\%$
- Conventional and sugar-free sweeteners $7\% \leq 15\%$
- 所有类型的糖类 (普通糖及代糖) $7\% \leq 15\%$
- Tất cả nước ép trái cây tươi và dịch chiết cô đặc $60\% \leq 80\%$
- Fresh fruit juices and concentrated extracts $60\% \leq 80\%$
- 所有鲜榨果汁与浓缩萃取液 $60\% \leq 80\%$
- Tất cả các VITAMIN khoáng chất: % tùy thuộc $1\% \leq 5\%$
- Vitamins and minerals: percentage may vary $1\% \leq 5\%$
- 所有维生素及矿物质 : % 含量视情况而定 $1\% \leq 5\%$

Cơ chế:

Mechanism:

作用机制:

- Cặn xơ khoáng chất $5\% \leq 10\%$
- 矿物质膳食纤维残渣 (浓缩) $5\% \leq 10\%$
- (Concentrated) mineral fiber residue $5\% \leq 10\%$
- Có thể hoạt động ở nhiệt độ dưới 45 độ C, ở nhiệt độ 60 độ C duy trì 23% hoạt tính
- 可在45°C以下环境中保持活性 60°C时可维持23%的活性
- Function at temperatures below 45°C. Retains 23% activity at 60°C

Bảo quản:

Storage:

保存方式:

- Nơi khô ráo (không trực tiếp tia cực tím)
- Tốt hơn ở nhiệt độ mát 5 - 10c
- Dry place (away from direct ultraviolet light)
- Preferably stored at 5-10°C (cool temperature)
- 存放于干燥处 (避免阳光直射)
- 最佳保存温度为5-10°C



Táo Tàu Lên Men X3



FERMENTED JUJUBE X3

Thành phần:

Ingredients

成分:

Kết hợp và sản xuất:

Formulation and Production:

适用与生产:

- Lên men quả táo tàu 100% vitamin và khoáng chất tự nhiên.
- 100% Fermented Jujube with natural vitamins and minerals.
- 100% 发酵枣果，含天然维生素和矿物质

- Nước uống giải khát có Gas và nitơ $7\% \leq 10\%$
- Carbonated and nitrogen-infused beverage $7\% \leq 10\%$
- 含气和氮气的功能性饮料 $7\% \leq 10\%$
- Các sản phẩm bổ sung lên men (enzyme) $60\% \leq 80\%$
- Fermented dietary supplements (enzymes) $60\% \leq 80\%$
- 发酵类补充产品 (酵素) $60\% \leq 80\%$
- Thực phẩm bổ sung và chức năng (có thể điều trị) $60\% \leq 80\%$
- Dietary and functional supplements (with therapeutic effects) $60\% \leq 80\%$
- 保健功能性食品 (可用于辅助治疗) $60\% \leq 80\%$
- Tất cả đường thông thường và ăn kiêng $7\% \leq 15\%$
- Conventional and sugar-free sweeteners $7\% \leq 15\%$
- 所有类型的糖类 (普通糖及代糖) $7\% \leq 15\%$
- Tất cả nước ép trái cây tươi và dịch chiết cô đặc $60\% \leq 80\%$
- Fresh fruit juices and concentrated extracts $60\% \leq 80\%$
- 所有鲜榨果汁与浓缩萃取液 $60\% \leq 80\%$
- Tất cả các VITAMIN khoáng chất: % tùy thuộc $1\% \leq 5\%$
- Vitamins and minerals: percentage may vary $1\% \leq 5\%$
- 所有维生素及矿物质: % 含量视情况而定 $1\% \leq 5\%$

Cơ chế:

Mechanism:

作用机制:

- Cặn xơ khoáng chất $5\% \leq 10\%$
- 矿物质膳食纤维残渣 (浓缩) $5\% \leq 10\%$
- (Concentrated) mineral fiber residue $5\% \leq 10\%$
- Có thể hoạt động ở nhiệt độ dưới 45 độ C, ở nhiệt độ 60 độ C duy trì 23% hoạt tính
- 可在45°C以下环境中保持活性 60°C时可维持23%的活性
- Function at temperatures below 45°C. Retains 23% activity at 60°C

Bảo quản:

Storage:

保存方式:

- Nơi khô ráo (không trực tiếp tia cực tím)
- Tốt hơn ở nhiệt độ mát 5 - 10c
- Dry place (away from direct ultraviolet light)
- Preferably stored at 5-10°C (cool temperature)
- 存放于干燥处 (避免阳光直射)
- 最佳保存温度为5-10°C



Khổ Qua Lên Men X3



FERMENTED BITTER MELON X3

Thành phần:

Ingredients

成分:

Kết hợp và sản xuất:

Formulation and Production:

适用与生产:

- Lên men quả khổ qua 100% vitamin và khoáng chất tự nhiên.
- 100% Fermented Bitter Melon with natural vitamins and minerals.
- 100% 苦瓜发酵，含天然维生素和矿物质

- Nước uống giải khát có Gas và nitơ 7% ≤ 10%
- Carbonated and nitrogen-infused beverage 7% ≤ 10%
- 含气和氮气的功能性饮料 7% ≤ 10%
- Các sản phẩm bổ sung lên men (enzyme) 60% ≤ 80%
- Fermented dietary supplements (enzymes) 60% ≤ 80%
- 发酵类补充产品 (酵素) 60% ≤ 80%
- Thực phẩm bổ sung và chức năng (có thể điều trị)60% ≤ 80%
- Dietary and functional supplements (with therapeutic effects)60% ≤ 80%
- 保健功能性食品 (可用于辅助治疗) 60% ≤ 80%
- Tất cả đường thông thường và ăn kiêng 7% ≤ 15%
- Conventional and sugar-free sweeteners 7% ≤ 15%
- 所有类型的糖类 (普通糖及代糖) 7% ≤ 15%
- Tất cả nước ép trái cây tươi và dịch chiết cô đặc 60% ≤ 80%
- Fresh fruit juices and concentrated extracts 60% ≤ 80%
- 所有鲜榨果汁与浓缩萃取液 60% ≤ 80%
- Tất cả các VITAMIN khoáng chất: % tùy thuộc 1% ≤ 5%
- Vitamins and minerals: percentage may vary 1% ≤ 5%
- 所有维生素及矿物质：% 含量视情况而定 1% ≤ 5%

Cơ chế:

Mechanism:

作用机制:

- Cặn xơ khoáng chất 5% ≤ 10%
- 矿物质膳食纤维残渣 (浓缩) 5% ≤ 10%
- (Concentrated) mineral fiber residue 5% ≤ 10%
- Có thể hoạt động ở nhiệt độ dưới 45 độ C,ở nhiệt độ 60 độ C duy trì 23% hoạt tính
- 可在45℃以下环境中保持活性 60℃时可维持23%的活性
- Function at temperatures below 45°C. Retains 23% activity at 60°C

Bảo quản:

Storage:

保存方式:

- Nơi khô ráo (không trực tiếp tia cực tím)
- Tốt hơn ở nhiệt độ mát 5 - 10c
- Dry place (away from direct ultraviolet light)
- Preferably stored at 5–10°C (cool temperature)
- 存放于干燥处 (避免阳光直射)
- 最佳保存温度为5-10°C



Đông Trùng Hạ Thảo Lên Men X3



FERMENTED OPHIOCORDYCEPS SINENSIS X3

Thành phần:

Ingredients

成分:

Kết hợp và sản xuất:

Formulation and Production:

适用与生产:

-Lên men đông trùng hạ thảo 100% vitamin và khoáng chất tự nhiên.

- 100% Fermented Ophiocordyceps Sinensis with natural vitamins and minerals.

- 100%虫草发酵，含天然维生素和矿物质

- Nước uống giải khát có Gas và nitơ $7\% \leq 10\%$

-Carbonated and nitrogen-infused beverage $7\% \leq 10\%$

- 含气和氮气的功能性饮料 $7\% \leq 10\%$

- Các sản phẩm bổ sung lên men (enzyme) $60\% \leq 80\%$

- Fermented dietary supplements (enzymes) $60\% \leq 80\%$

- 发酵类补充产品 (酵素) $60\% \leq 80\%$

- Thực phẩm bổ sung và chức năng (có thể điều trị) $60\% \leq 80\%$

- Dietary and functional supplements (with therapeutic effects) $60\% \leq 80\%$

- 保健功能性食品 (可用于辅助治疗) $60\% \leq 80\%$

- Tất cả đường thông thường và ăn kiêng $7\% \leq 15\%$

- Conventional and sugar-free sweeteners $7\% \leq 15\%$

- 所有类型的糖类 (普通糖及代糖) $7\% \leq 15\%$

-Tất cả nước ép trái cây tươi và dịch chiết cô đặc $60\% \leq 80\%$

- Fresh fruit juices and concentrated extracts $60\% \leq 80\%$

- 所有鲜榨果汁与浓缩萃取液 $60\% \leq 80\%$

-Tất cả các VITAMIN khoáng chất: % tùy thuộc $1\% \leq 5\%$

- Vitamins and minerals: percentage may vary $1\% \leq 5\%$

- 所有维生素及矿物质：% 含量视情况而定 $1\% \leq 5\%$

Cơ chế:

Mechanism:

作用机制:

- Cặn xơ khoáng chất $5\% \leq 10\%$

- 矿物质膳食纤维残渣 (浓缩) $5\% \leq 10\%$

- (Concentrated) mineral fiber residue $5\% \leq 10\%$

- Có thể hoạt động ở nhiệt độ dưới 45 độ C, ở nhiệt độ 60 độ C duy trì 23% hoạt tính

- 可在45°C以下环境中保持活性 60°C时可维持23%的活性

- Function at temperatures below 45°C. Retains 23% activity at 60°C

Bảo quản:

Storage:

保存方式:

- Nơi khô ráo (không trực tiếp tia cực tím)

- Tốt hơn ở nhiệt độ mát 5 - 10c

- Dry place (away from direct ultraviolet light)

- Preferably stored at 5-10°C (cool temperature)

- 存放于干燥处 (避免阳光直射)

- 最佳保存温度为5-10°C



Củ Sâm Bổ Chính Lên Men X3



FERMENTED ABELMOSCHUS SAGITTIFOLIUS X3

Thành phần:

Ingredients

成分:

Kết hợp và sản xuất:

Formulation and Production:

适用与生产:

- Lên men củ sâm bổ chính 100% vitamin và khoáng chất tự nhiên.
- 100% Fermented Abelmoschus Sagittifolius with natural vitamins and minerals.
- 100% 发酵人参根，含天然维生素和矿物质

- Nước uống giải khát có Gas và nitơ $7\% \leq 10\%$
- Carbonated and nitrogen-infused beverage $7\% \leq 10\%$
- 含气和氮气的功能性饮料 $7\% \leq 10\%$
- Các sản phẩm bổ sung lên men (enzyme) $60\% \leq 80\%$
- Fermented dietary supplements (enzymes) $60\% \leq 80\%$
- 发酵类补充产品 (酵素) $60\% \leq 80\%$
- Thực phẩm bổ sung và chức năng (có thể điều trị) $60\% \leq 80\%$
- Dietary and functional supplements (with therapeutic effects) $60\% \leq 80\%$
- 保健功能性食品 (可用于辅助治疗) $60\% \leq 80\%$
- Tất cả đường thông thường và ăn kiêng $7\% \leq 15\%$
- Conventional and sugar-free sweeteners $7\% \leq 15\%$
- 所有类型的糖类 (普通糖及代糖) $7\% \leq 15\%$
- Tất cả nước ép trái cây tươi và dịch chiết cô đặc $60\% \leq 80\%$
- Fresh fruit juices and concentrated extracts $60\% \leq 80\%$
- 所有鲜榨果汁与浓缩萃取液 $60\% \leq 80\%$
- Tất cả các VITAMIN khoáng chất: % tùy thuộc $1\% \leq 5\%$
- Vitamins and minerals: percentage may vary $1\% \leq 5\%$
- 所有维生素及矿物质 : % 含量视情况而定 $1\% \leq 5\%$

Cơ chế:

Mechanism:

作用机制:

- Cặn xơ khoáng chất $5\% \leq 10\%$
- 矿物质膳食纤维残渣 (浓缩) $5\% \leq 10\%$
- (Concentrated) mineral fiber residue $5\% \leq 10\%$
- Có thể hoạt động ở nhiệt độ dưới 45 độ C,ở nhiệt độ 60 độ C duy trì 23% hoạt tính
- 可在45°C以下环境中保持活性 60°C时可维持23%的活性
- Function at temperatures below 45°C. Retains 23% activity at 60°C

Bảo quản:

Storage:

保存方式:

- Nơi khô ráo (không trực tiếp tia cực tím)
- Tốt hơn ở nhiệt độ mát 5 - 10c
- Dry place (away from direct ultraviolet light)
- Preferably stored at 5-10°C (cool temperature)
- 存放于干燥处 (避免阳光直射)
- 最佳保存温度为5-10°C



Củ Sâm Cau Lên Men X3



FERMENTED CURCULIGO ORCHIOIDES X3

Thành phần:

Ingredients

成分:

Kết hợp và sản xuất:

Formulation and Production:

适用与生产:

- Lên men củ sâm cau 100% vitamin và khoáng chất tự nhiên.
- 100% Fermented Curculigo Orchioides with natural vitamins and minerals.
- 100% 发酵人参根，含天然维生素和矿物质

- Nước uống giải khát có Gas và nitơ $7\% \leq 10\%$
- Carbonated and nitrogen-infused beverage $7\% \leq 10\%$
- 含气和氮气的功能性饮料 $7\% \leq 10\%$
- Các sản phẩm bổ sung lên men (enzyme) $60\% \leq 80\%$
- Fermented dietary supplements (enzymes) $60\% \leq 80\%$
- 发酵类补充产品 (酵素) $60\% \leq 80\%$
- Thực phẩm bổ sung và chức năng (có thể điều trị) $60\% \leq 80\%$
- Dietary and functional supplements (with therapeutic effects) $60\% \leq 80\%$
- 保健功能性食品 (可用于辅助治疗) $60\% \leq 80\%$
- Tất cả đường thông thường và ăn kiêng $7\% \leq 15\%$
- Conventional and sugar-free sweeteners $7\% \leq 15\%$
- 所有类型的糖类 (普通糖及代糖) $7\% \leq 15\%$
- Tất cả nước ép trái cây tươi và dịch chiết cô đặc $60\% \leq 80\%$
- Fresh fruit juices and concentrated extracts $60\% \leq 80\%$
- 所有鲜榨果汁与浓缩萃取液 $60\% \leq 80\%$
- Tất cả các VITAMIN khoáng chất: % tùy thuộc $1\% \leq 5\%$
- Vitamins and minerals: percentage may vary $1\% \leq 5\%$
- 所有维生素及矿物质 : % 含量视情况而定 $1\% \leq 5\%$

Cơ chế:

Mechanism:

作用机制:

- Cặn xơ khoáng chất $5\% \leq 10\%$
- 矿物质膳食纤维残渣 (浓缩) $5\% \leq 10\%$
- (Concentrated) mineral fiber residue $5\% \leq 10\%$
- Có thể hoạt động ở nhiệt độ dưới 45 độ C, ở nhiệt độ 60 độ C duy trì 23% hoạt tính
- 可在45°C以下环境中保持活性 60°C时可维持23%的活性
- Function at temperatures below 45°C. Retains 23% activity at 60°C

Bảo quản:

Storage:

保存方式:

- Nơi khô ráo (không trực tiếp tia cực tím)
- Tốt hơn ở nhiệt độ mát 5 - 10c
- Dry place (away from direct ultraviolet light)
- Preferably stored at 5-10°C (cool temperature)
- 存放于干燥处 (避免阳光直射)
- 最佳保存温度为5-10°C



Sâm Đinh Lăng Lên Men X3



FERMENTED MING ARALIA X3

Thành phần:

Ingredients

成分:

Kết hợp và sản xuất:

Formulation and Production:

适用与生产:

- Lên men sâm đinh lăng 100% vitamin và khoáng chất tự nhiên.
- 100% Fermented Ming Aralia with natural vitamins and minerals.
- 100% 发酵人参，含天然维生素和矿物质

- Nước uống giải khát có Gas và nitơ $7\% \leq 10\%$
- Carbonated and nitrogen-infused beverage $7\% \leq 10\%$
- 含气和氮气的功能性饮料 $7\% \leq 10\%$
- Các sản phẩm bổ sung lên men (enzyme) $60\% \leq 80\%$
- Fermented dietary supplements (enzymes) $60\% \leq 80\%$
- 发酵类补充产品 (酵素) $60\% \leq 80\%$
- Thực phẩm bổ sung và chức năng (có thể điều trị) $60\% \leq 80\%$
- Dietary and functional supplements (with therapeutic effects) $60\% \leq 80\%$
- 保健功能性食品 (可用于辅助治疗) $60\% \leq 80\%$
- Tất cả đường thông thường và ăn kiêng $7\% \leq 15\%$
- Conventional and sugar-free sweeteners $7\% \leq 15\%$
- 所有类型的糖类 (普通糖及代糖) $7\% \leq 15\%$
- Tất cả nước ép trái cây tươi và dịch chiết cô đặc $60\% \leq 80\%$
- Fresh fruit juices and concentrated extracts $60\% \leq 80\%$
- 所有鲜榨果汁与浓缩萃取液 $60\% \leq 80\%$
- Tất cả các VITAMIN khoáng chất: % tùy thuộc $1\% \leq 5\%$
- Vitamins and minerals: percentage may vary $1\% \leq 5\%$
- 所有维生素及矿物质 : % 含量视情况而定 $1\% \leq 5\%$

Cơ chế:

Mechanism:

作用机制:

- Cặn xơ khoáng chất $5\% \leq 10\%$
- 矿物质膳食纤维残渣 (浓缩) $5\% \leq 10\%$
- (Concentrated) mineral fiber residue $5\% \leq 10\%$
- Có thể hoạt động ở nhiệt độ dưới 45 độ C, ở nhiệt độ 60 độ C duy trì 23% hoạt tính
- 可在45°C以下环境中保持活性 60°C时可维持23%的活性
- Function at temperatures below 45°C. Retains 23% activity at 60°C

Bảo quản:

Storage:

保存方式:

- Nơi khô ráo (không trực tiếp tia cực tím)
- Tốt hơn ở nhiệt độ mát 5 - 10c
- Dry place (away from direct ultraviolet light)
- Preferably stored at 5-10°C (cool temperature)
- 存放于干燥处 (避免阳光直射)
- 最佳保存温度为5-10°C



Nấm Lim Xanh Lên Men X3



FERMENTED REISHI MUSHROOM X3

Thành phần:

Ingredients

成分:

Kết hợp và sản xuất:

Formulation and Production:

适用与生产:

-Lên men nấm lim xanh 100% vitamin và khoáng chất tự nhiên.

- 100% Fermented Reishi Mushroom with natural vitamins and minerals.

- 100% 青木耳发酵，含天然维生素和矿物质

- Nước uống giải khát có Gas và nitơ $7\% \leq 10\%$

-Carbonated and nitrogen-infused beverage $7\% \leq 10\%$

- 含气和氮气的功能性饮料 $7\% \leq 10\%$

- Các sản phẩm bổ sung lên men (enzyme) $60\% \leq 80\%$

- Fermented dietary supplements (enzymes) $60\% \leq 80\%$

- 发酵类补充产品 (酵素) $60\% \leq 80\%$

- Thực phẩm bổ sung và chức năng (có thể điều trị) $60\% \leq 80\%$

- Dietary and functional supplements (with therapeutic effects) $60\% \leq 80\%$

- 保健功能性食品 (可用于辅助治疗) $60\% \leq 80\%$

- Tất cả đường thông thường và ăn kiêng $7\% \leq 15\%$

- Conventional and sugar-free sweeteners $7\% \leq 15\%$

- 所有类型的糖类 (普通糖及代糖) $7\% \leq 15\%$

-Tất cả nước ép trái cây tươi và dịch chiết cô đặc $60\% \leq 80\%$

- Fresh fruit juices and concentrated extracts $60\% \leq 80\%$

- 所有鲜榨果汁与浓缩萃取液 $60\% \leq 80\%$

-Tất cả các VITAMIN khoáng chất: % tùy thuộc $1\% \leq 5\%$

- Vitamins and minerals: percentage may vary $1\% \leq 5\%$

- 所有维生素及矿物质 : % 含量视情况而定 $1\% \leq 5\%$

Cơ chế:

Mechanism:

作用机制:

- Cặn xơ khoáng chất $5\% \leq 10\%$

- 矿物质膳食纤维残渣 (浓缩) $5\% \leq 10\%$

- (Concentrated) mineral fiber residue $5\% \leq 10\%$

- Có thể hoạt động ở nhiệt độ dưới 45 độ C, ở nhiệt độ 60 độ C duy trì 23% hoạt tính

- 可在45°C以下环境中保持活性 60°C时可维持23%的活性

- Function at temperatures below 45°C. Retains 23% activity at 60°C

Bảo quản:

Storage:

保存方式:

- Nơi khô ráo (không trực tiếp tia cực tím)

- Tốt hơn ở nhiệt độ mát 5 - 10c

- Dry place (away from direct ultraviolet light)

- Preferably stored at 5-10°C (cool temperature)

- 存放于干燥处 (避免阳光直射)

- 最佳保存温度为5-10°C



Quả Sa Nhân Lên Men X3

FERMENTED AMOMUM X3

Thành phần:

Ingredients

成分:

Kết hợp và sản xuất:

Formulation and Production:

适用与生产:

- Lên men quả sa nhân 100% vitamin và khoáng chất tự nhiên.
- 100% Fermented Amomun with natural vitamins and minerals.
- 100% 发酵豆蔻果实，含天然维生素和矿物质

- Nước uống giải khát có Gas và nitơ $7\% \leq 10\%$
- Carbonated and nitrogen-infused beverage $7\% \leq 10\%$
- 含气和氮气的功能性饮料 $7\% \leq 10\%$
- Các sản phẩm bổ sung lên men (enzyme) $60\% \leq 80\%$
- Fermented dietary supplements (enzymes) $60\% \leq 80\%$
- 发酵类补充产品 (酵素) $60\% \leq 80\%$
- Thực phẩm bổ sung và chức năng (có thể điều trị) $60\% \leq 80\%$
- Dietary and functional supplements (with therapeutic effects) $60\% \leq 80\%$
- 保健功能性食品 (可用于辅助治疗) $60\% \leq 80\%$
- Tất cả đường thông thường và ăn kiêng $7\% \leq 15\%$
- Conventional and sugar-free sweeteners $7\% \leq 15\%$
- 所有类型的糖类 (普通糖及代糖) $7\% \leq 15\%$
- Tất cả nước ép trái cây tươi và dịch chiết cô đặc $60\% \leq 80\%$
- Fresh fruit juices and concentrated extracts $60\% \leq 80\%$
- 所有鲜榨果汁与浓缩萃取液 $60\% \leq 80\%$
- Tất cả các VITAMIN khoáng chất: % tùy thuộc $1\% \leq 5\%$
- Vitamins and minerals: percentage may vary $1\% \leq 5\%$
- 所有维生素及矿物质：% 含量视情况而定 $1\% \leq 5\%$

Cơ chế:

Mechanism:

作用机制:

- Cặn xơ khoáng chất $5\% \leq 10\%$
- 矿物质膳食纤维残渣 (浓缩) $5\% \leq 10\%$
- (Concentrated) mineral fiber residue $5\% \leq 10\%$
- Có thể hoạt động ở nhiệt độ dưới 45 độ C, ở nhiệt độ 60 độ C duy trì 23% hoạt tính
- 可在45°C以下环境中保持活性 60°C时可维持23%的活性
- Function at temperatures below 45°C. Retains 23% activity at 60°C

Bảo quản:

Storage:

保存方式:

- Nơi khô ráo (không trực tiếp tia cực tím)
- Tốt hơn ở nhiệt độ mát 5 - 10c
- Dry place (away from direct ultraviolet light)
- Preferably stored at 5-10°C (cool temperature)
- 存放于干燥处 (避免阳光直射)
- 最佳保存温度为5-10°C



Thảo Quả Lên Men X3



FERMENTED CARDAMOM X3

Thành phần:

Ingredients

成分:

Kết hợp và sản xuất:

Formulation and Production:

适用与生产:

- Lên men thảo quả 100% vitamin và khoáng chất tự nhiên.
- 100% Fermented Cardamom with natural vitamins and minerals.
- 100% 小豆蔻发酵，含天然维生素和矿物质

- Nước uống giải khát có Gas và nitơ $7\% \leq 10\%$
- Carbonated and nitrogen-infused beverage $7\% \leq 10\%$
- 含气和氮气的功能性饮料 $7\% \leq 10\%$
- Các sản phẩm bổ sung lên men (enzyme) $60\% \leq 80\%$
- Fermented dietary supplements (enzymes) $60\% \leq 80\%$
- 发酵类补充产品 (酵素) $60\% \leq 80\%$
- Thực phẩm bổ sung và chức năng (có thể điều trị) $60\% \leq 80\%$
- Dietary and functional supplements (with therapeutic effects) $60\% \leq 80\%$
- 保健功能性食品 (可用于辅助治疗) $60\% \leq 80\%$
- Tất cả đường thông thường và ăn kiêng $7\% \leq 15\%$
- Conventional and sugar-free sweeteners $7\% \leq 15\%$
- 所有类型的糖类 (普通糖及代糖) $7\% \leq 15\%$
- Tất cả nước ép trái cây tươi và dịch chiết cô đặc $60\% \leq 80\%$
- Fresh fruit juices and concentrated extracts $60\% \leq 80\%$
- 所有鲜榨果汁与浓缩萃取液 $60\% \leq 80\%$
- Tất cả các VITAMIN khoáng chất: % tùy thuộc $1\% \leq 5\%$
- Vitamins and minerals: percentage may vary $1\% \leq 5\%$
- 所有维生素及矿物质: % 含量视情况而定 $1\% \leq 5\%$

Cơ chế:

Mechanism:

作用机制:

- Cặn xơ khoáng chất $5\% \leq 10\%$
- 矿物质膳食纤维残渣 (浓缩) $5\% \leq 10\%$
- (Concentrated) mineral fiber residue $5\% \leq 10\%$
- Có thể hoạt động ở nhiệt độ dưới 45 độ C, ở nhiệt độ 60 độ C duy trì 23% hoạt tính
- 可在45°C以下环境中保持活性 60°C时可维持23%的活性
- Function at temperatures below 45°C. Retains 23% activity at 60°C

Bảo quản:

Storage:

保存方式:

- Nơi khô ráo (không trực tiếp tia cực tím)
- Tốt hơn ở nhiệt độ mát 5 - 10c
- Dry place (away from direct ultraviolet light)
- Preferably stored at 5-10°C (cool temperature)
- 存放于干燥处 (避免阳光直射)
- 最佳保存温度为5-10°C



Vỏ Quế Lên Men X3

FERMENTED CINNAMON BARK X3

Thành phần:

Ingredients

成分:

Kết hợp và sản xuất:

Formulation and Production:

适用与生产:

- Lên men vỏ quế 100% vitamin và khoáng chất tự nhiên.
- 100% Fermented Cinnamon Bark with natural vitamins and minerals.
- 100% 肉桂皮发酵，含天然维生素和矿物质

- Nước uống giải khát có Gas và nitơ $7\% \leq 10\%$
- Carbonated and nitrogen-infused beverage $7\% \leq 10\%$
- 含气和氮气的功能性饮料 $7\% \leq 10\%$
- Các sản phẩm bổ sung lên men (enzyme) $60\% \leq 80\%$
- Fermented dietary supplements (enzymes) $60\% \leq 80\%$
- 发酵类补充产品 (酵素) $60\% \leq 80\%$
- Thực phẩm bổ sung và chức năng (có thể điều trị) $60\% \leq 80\%$
- Dietary and functional supplements (with therapeutic effects) $60\% \leq 80\%$
- 保健功能性食品 (可用于辅助治疗) $60\% \leq 80\%$
- Tất cả đường thông thường và ăn kiêng $7\% \leq 15\%$
- Conventional and sugar-free sweeteners $7\% \leq 15\%$
- 所有类型的糖类 (普通糖及代糖) $7\% \leq 15\%$
- Tất cả nước ép trái cây tươi và dịch chiết cô đặc $60\% \leq 80\%$
- Fresh fruit juices and concentrated extracts $60\% \leq 80\%$
- 所有鲜榨果汁与浓缩萃取液 $60\% \leq 80\%$
- Tất cả các VITAMIN khoáng chất: % tùy thuộc $1\% \leq 5\%$
- Vitamins and minerals: percentage may vary $1\% \leq 5\%$
- 所有维生素及矿物质: % 含量视情况而定 $1\% \leq 5\%$

Cơ chế:

Mechanism:

作用机制:

- Cặn xơ khoáng chất $5\% \leq 10\%$
- 矿物质膳食纤维残渣 (浓缩) $5\% \leq 10\%$
- (Concentrated) mineral fiber residue $5\% \leq 10\%$
- Có thể hoạt động ở nhiệt độ dưới 45 độ C, ở nhiệt độ 60 độ C duy trì 23% hoạt tính
- 可在45°C以下环境中保持活性 60°C时可维持23%的活性
- Function at temperatures below 45°C. Retains 23% activity at 60°C

Bảo quản:

Storage:

保存方式:

- Nơi khô ráo (không trực tiếp tia cực tím)
- Tốt hơn ở nhiệt độ mát 5 - 10c
- Dry place (away from direct ultraviolet light)
- Preferably stored at 5-10°C (cool temperature)
- 存放于干燥处 (避免阳光直射)
- 最佳保存温度为5-10°C



Tim Sen Lên Men X3



FERMENTED LOTUS EMBRYO X3

Thành phần:

Ingredients

成分:

Kết hợp và sản xuất:

Formulation and Production:

适用与生产:

- Lên men tim sen 100% vitamin và khoáng chất tự nhiên.
- 100% Fermented Lotus Embryo with natural vitamins and minerals.
- 100% 发酵莲心 · 含天然维生素和矿物质

- Nước uống giải khát có Gas và nitơ $7\% \leq 10\%$
- Carbonated and nitrogen-infused beverage $7\% \leq 10\%$
- 含气和氮气的功能性饮料 $7\% \leq 10\%$
- Các sản phẩm bổ sung lên men (enzyme) $60\% \leq 80\%$
- Fermented dietary supplements (enzymes) $60\% \leq 80\%$
- 发酵类补充产品 (酵素) $60\% \leq 80\%$
- Thực phẩm bổ sung và chức năng (có thể điều trị) $60\% \leq 80\%$
- Dietary and functional supplements (with therapeutic effects) $60\% \leq 80\%$
- 保健功能性食品 (可用于辅助治疗) $60\% \leq 80\%$
- Tất cả đường thông thường và ăn kiêng $7\% \leq 15\%$
- Conventional and sugar-free sweeteners $7\% \leq 15\%$
- 所有类型的糖类 (普通糖及代糖) $7\% \leq 15\%$
- Tất cả nước ép trái cây tươi và dịch chiết cô đặc $60\% \leq 80\%$
- Fresh fruit juices and concentrated extracts $60\% \leq 80\%$
- 所有鲜榨果汁与浓缩萃取液 $60\% \leq 80\%$
- Tất cả các VITAMIN khoáng chất: % tùy thuộc $1\% \leq 5\%$
- Vitamins and minerals: percentage may vary $1\% \leq 5\%$
- 所有维生素及矿物质 : % 含量视情况而定 $1\% \leq 5\%$

Cơ chế:

Mechanism:

作用机制:

- Cặn xơ khoáng chất $5\% \leq 10\%$
- 矿物质膳食纤维残渣 (浓缩) $5\% \leq 10\%$
- (Concentrated) mineral fiber residue $5\% \leq 10\%$
- Có thể hoạt động ở nhiệt độ dưới 45 độ C,ở nhiệt độ 60 độ C duy trì 23% hoạt tính
- 可在45°C以下环境中保持活性 60°C时可维持23%的活性
- Function at temperatures below 45°C. Retains 23% activity at 60°C

Bảo quản:

Storage:

保存方式:

- Nơi khô ráo (không trực tiếp tia cực tím)
- Tốt hơn ở nhiệt độ mát 5 - 10c
- Dry place (away from direct ultraviolet light)
- Preferably stored at 5–10°C (cool temperature)
- 存放于干燥处 (避免阳光直射)
- 最佳保存温度为5-10°C



发酵姜 X3
FERMENTED GINGER X3

Củ Gừng Lên Men X3



FERMENTED GINGER X3

Thành phần:

Ingredients

成分:

Kết hợp và sản xuất:

Formulation and Production:

适用与生产:

- Lên men củ gừng 100% vitamin và khoáng chất tự nhiên.
- 100% Fermented Ginger with natural vitamins and minerals.
- 100% 发酵姜根 · 含天然维生素和矿物质

- Nước uống giải khát có Gas và nitơ $7\% \leq 10\%$
- Carbonated and nitrogen-infused beverage $7\% \leq 10\%$
- 含气和氮气的功能性饮料 $7\% \leq 10\%$
- Các sản phẩm bổ sung lên men (enzyme) $60\% \leq 80\%$
- Fermented dietary supplements (enzymes) $60\% \leq 80\%$
- 发酵类补充产品 (酵素) $60\% \leq 80\%$
- Thực phẩm bổ sung và chức năng (có thể điều trị) $60\% \leq 80\%$
- Dietary and functional supplements (with therapeutic effects) $60\% \leq 80\%$
- 保健功能性食品 (可用于辅助治疗) $60\% \leq 80\%$
- Tất cả đường thông thường và ăn kiêng $7\% \leq 15\%$
- Conventional and sugar-free sweeteners $7\% \leq 15\%$
- 所有类型的糖类 (普通糖及代糖) $7\% \leq 15\%$
- Tất cả nước ép trái cây tươi và dịch chiết cô đặc $60\% \leq 80\%$
- Fresh fruit juices and concentrated extracts $60\% \leq 80\%$
- 所有鲜榨果汁与浓缩萃取液 $60\% \leq 80\%$
- Tất cả các VITAMIN khoáng chất: % tùy thuộc $1\% \leq 5\%$
- Vitamins and minerals: percentage may vary $1\% \leq 5\%$
- 所有维生素及矿物质 : % 含量视情况而定 $1\% \leq 5\%$

Cơ chế:

Mechanism:

作用机制:

- Cặn xơ khoáng chất $5\% \leq 10\%$
- 矿物质膳食纤维残渣 (浓缩) $5\% \leq 10\%$
- (Concentrated) mineral fiber residue $5\% \leq 10\%$
- Có thể hoạt động ở nhiệt độ dưới 45 độ C, ở nhiệt độ 60 độ C duy trì 23% hoạt tính
- 可在45°C以下环境中保持活性 60°C时可维持23%的活性
- Function at temperatures below 45°C. Retains 23% activity at 60°C

Bảo quản:

Storage:

保存方式:

- Nơi khô ráo (không trực tiếp tia cực tím)
- Tốt hơn ở nhiệt độ mát 5 - 10c
- Dry place (away from direct ultraviolet light)
- Preferably stored at 5-10°C (cool temperature)
- 存放于干燥处 (避免阳光直射)
- 最佳保存温度为5-10°C



Củ Nghệ Lên Men X3



FERMENTED TURMERIC X3

Thành phần:

Ingredients

成分:

Kết hợp và sản xuất:

Formulation and Production:

适用与生产:

- Lên men củ nghệ 100% vitamin và khoáng chất tự nhiên.
- 100% Fermented Turmeric with natural vitamins and minerals.
- 100% 姜黄发酵，含天然维生素和矿物质

- Nước uống giải khát có Gas và nitơ $7\% \leq 10\%$
- Carbonated and nitrogen-infused beverage $7\% \leq 10\%$
- 含气和氮气的功能性饮料 $7\% \leq 10\%$
- Các sản phẩm bổ sung lên men (enzyme) $60\% \leq 80\%$
- Fermented dietary supplements (enzymes) $60\% \leq 80\%$
- 发酵类补充产品 (酵素) $60\% \leq 80\%$
- Thực phẩm bổ sung và chức năng (có thể điều trị) $60\% \leq 80\%$
- Dietary and functional supplements (with therapeutic effects) $60\% \leq 80\%$
- 保健功能性食品 (可用于辅助治疗) $60\% \leq 80\%$
- Tất cả đường thông thường và ăn kiêng $7\% \leq 15\%$
- Conventional and sugar-free sweeteners $7\% \leq 15\%$
- 所有类型的糖类 (普通糖及代糖) $7\% \leq 15\%$
- Tất cả nước ép trái cây tươi và dịch chiết cô đặc $60\% \leq 80\%$
- Fresh fruit juices and concentrated extracts $60\% \leq 80\%$
- 所有鲜榨果汁与浓缩萃取液 $60\% \leq 80\%$
- Tất cả các VITAMIN khoáng chất: % tùy thuộc $1\% \leq 5\%$
- Vitamins and minerals: percentage may vary $1\% \leq 5\%$
- 所有维生素及矿物质：% 含量视情况而定 $1\% \leq 5\%$

Cơ chế:

Mechanism:

作用机制:

- Cặn xơ khoáng chất $5\% \leq 10\%$
- 矿物质膳食纤维残渣 (浓缩) $5\% \leq 10\%$
- (Concentrated) mineral fiber residue $5\% \leq 10\%$
- Có thể hoạt động ở nhiệt độ dưới 45 độ C, ở nhiệt độ 60 độ C duy trì 23% hoạt tính
- 可在45°C以下环境中保持活性 60°C时可维持23%的活性
- Function at temperatures below 45°C. Retains 23% activity at 60°C

Bảo quản:

Storage:

保存方式:

- Nơi khô ráo (không trực tiếp tia cực tím)
- Tốt hơn ở nhiệt độ mát 5 - 10c
- Dry place (away from direct ultraviolet light)
- Preferably stored at 5-10°C (cool temperature)
- 存放于干燥处 (避免阳光直射)
- 最佳保存温度为5-10°C



发酵鱼腥草X3

FERMENTED FISH MINT X3

Lá Diếp Cá Lên Men X3



FERMENTED FISH MINT X3

Thành phần:

Ingredients

成分:

Kết hợp và sản xuất:

Formulation and Production:

适用与生产:

- Lên men lá diếp cá 100% vitamin và khoáng chất tự nhiên.
- 100% Fermented Fish Mint with natural vitamins and minerals.
- 100% 发酵鱼薄荷叶，含天然维生素和矿物质

- Nước uống giải khát có Gas và nitơ $7\% \leq 10\%$
- Carbonated and nitrogen-infused beverage $7\% \leq 10\%$
- 含气和氮气的功能性饮料 $7\% \leq 10\%$
- Các sản phẩm bổ sung lên men (enzyme) $60\% \leq 80\%$
- Fermented dietary supplements (enzymes) $60\% \leq 80\%$
- 发酵类补充产品 (酵素) $60\% \leq 80\%$
- Thực phẩm bổ sung và chức năng (có thể điều trị) $60\% \leq 80\%$
- Dietary and functional supplements (with therapeutic effects) $60\% \leq 80\%$
- 保健功能性食品 (可用于辅助治疗) $60\% \leq 80\%$
- Tất cả đường thông thường và ăn kiêng $7\% \leq 15\%$
- Conventional and sugar-free sweeteners $7\% \leq 15\%$
- 所有类型的糖类 (普通糖及代糖) $7\% \leq 15\%$
- Tất cả nước ép trái cây tươi và dịch chiết cô đặc $60\% \leq 80\%$
- Fresh fruit juices and concentrated extracts $60\% \leq 80\%$
- 所有鲜榨果汁与浓缩萃取液 $60\% \leq 80\%$
- Tất cả các VITAMIN khoáng chất: % tùy thuộc $1\% \leq 5\%$
- Vitamins and minerals: percentage may vary $1\% \leq 5\%$
- 所有维生素及矿物质 : % 含量视情况而定 $1\% \leq 5\%$

Cơ chế:

Mechanism:

作用机制:

- Cặn xơ khoáng chất $5\% \leq 10\%$
- 矿物质膳食纤维残渣 (浓缩) $5\% \leq 10\%$
- (Concentrated) mineral fiber residue $5\% \leq 10\%$
- Có thể hoạt động ở nhiệt độ dưới 45 độ C, ở nhiệt độ 60 độ C duy trì 23% hoạt tính
- 可在45°C以下环境中保持活性 60°C时可维持23%的活性
- Function at temperatures below 45°C. Retains 23% activity at 60°C

Bảo quản:

Storage:

保存方式:

- Nơi khô ráo (không trực tiếp tia cực tím)
- Tốt hơn ở nhiệt độ mát 5 - 10c
- Dry place (away from direct ultraviolet light)
- Preferably stored at 5-10°C (cool temperature)
- 存放于干燥处 (避免阳光直射)
- 最佳保存温度为5-10°C



发酵绿茶叶 X3

FERMENTED GREEN TEA LEAVES X3

Lá Trà Xanh Lên Men X3



FERMENTED GREEN TEA LEAVES X3

Thành phần:

Ingredients

成分:

Kết hợp và sản xuất:

Formulation and Production:

适用与生产:

- Lên men lá trà xanh 100% vitamin và khoáng chất tự nhiên.
- 100% Fermented Green Tea Leaves with natural vitamins and minerals.
- 100% 绿茶叶发酵，含天然维生素和矿物质

- Nước uống giải khát có Gas và nitơ $7\% \leq 10\%$
- Carbonated and nitrogen-infused beverage $7\% \leq 10\%$
- 含气和氮气的功能性饮料 $7\% \leq 10\%$
- Các sản phẩm bổ sung lên men (enzyme) $60\% \leq 80\%$
- Fermented dietary supplements (enzymes) $60\% \leq 80\%$
- 发酵类补充产品 (酵素) $60\% \leq 80\%$
- Thực phẩm bổ sung và chức năng (có thể điều trị) $60\% \leq 80\%$
- Dietary and functional supplements (with therapeutic effects) $60\% \leq 80\%$
- 保健功能性食品 (可用于辅助治疗) $60\% \leq 80\%$
- Tất cả đường thông thường và ăn kiêng $7\% \leq 15\%$
- Conventional and sugar-free sweeteners $7\% \leq 15\%$
- 所有类型的糖类 (普通糖及代糖) $7\% \leq 15\%$
- Tất cả nước ép trái cây tươi và dịch chiết cô đặc $60\% \leq 80\%$
- Fresh fruit juices and concentrated extracts $60\% \leq 80\%$
- 所有鲜榨果汁与浓缩萃取液 $60\% \leq 80\%$
- Tất cả các VITAMIN khoáng chất: % tùy thuộc $1\% \leq 5\%$
- Vitamins and minerals: percentage may vary $1\% \leq 5\%$
- 所有维生素及矿物质: % 含量视情况而定 $1\% \leq 5\%$

Cơ chế:

Mechanism:

作用机制:

- Cặn xơ khoáng chất $5\% \leq 10\%$
- 矿物质膳食纤维残渣 (浓缩) $5\% \leq 10\%$
- (Concentrated) mineral fiber residue $5\% \leq 10\%$
- Có thể hoạt động ở nhiệt độ dưới 45 độ C, ở nhiệt độ 60 độ C duy trì 23% hoạt tính
- 可在45°C以下环境中保持活性 60°C时可维持23%的活性
- Function at temperatures below 45°C. Retains 23% activity at 60°C

Bảo quản:

Storage:

保存方式:

- Nơi khô ráo (không trực tiếp tia cực tím)
- Tốt hơn ở nhiệt độ mát 5 - 10c
- Dry place (away from direct ultraviolet light)
- Preferably stored at 5-10°C (cool temperature)
- 存放于干燥处 (避免阳光直射)
- 最佳保存温度为5-10°C



Lá Ngải Cứu Lên Men X3



FERMENTED MUGWORT X3

Thành phần:

Ingredients

成分:

Kết hợp và sản xuất:

Formulation and Production:

适用与生产:

- Lên men lá ngải cứu 100% vitamin và khoáng chất tự nhiên.
- 100% Fermented Mugwort with natural vitamins and minerals.
- 100% 发酵艾叶，含天然维生素和矿物质

- Nước uống giải khát có Gas và nitơ $7\% \leq 10\%$
- Carbonated and nitrogen-infused beverage $7\% \leq 10\%$
- 含气和氮气的功能性饮料 $7\% \leq 10\%$
- Các sản phẩm bổ sung lên men (enzyme) $60\% \leq 80\%$
- Fermented dietary supplements (enzymes) $60\% \leq 80\%$
- 发酵类补充产品 (酵素) $60\% \leq 80\%$
- Thực phẩm bổ sung và chức năng (có thể điều trị) $60\% \leq 80\%$
- Dietary and functional supplements (with therapeutic effects) $60\% \leq 80\%$
- 保健功能性食品 (可用于辅助治疗) $60\% \leq 80\%$
- Tất cả đường thông thường và ăn kiêng $7\% \leq 15\%$
- Conventional and sugar-free sweeteners $7\% \leq 15\%$
- 所有类型的糖类 (普通糖及代糖) $7\% \leq 15\%$
- Tất cả nước ép trái cây tươi và dịch chiết cô đặc $60\% \leq 80\%$
- Fresh fruit juices and concentrated extracts $60\% \leq 80\%$
- 所有鲜榨果汁与浓缩萃取液 $60\% \leq 80\%$
- Tất cả các VITAMIN khoáng chất: % tùy thuộc $1\% \leq 5\%$
- Vitamins and minerals: percentage may vary $1\% \leq 5\%$
- 所有维生素及矿物质：% 含量视情况而定 $1\% \leq 5\%$

Cơ chế:

Mechanism:

作用机制:

- Cặn xơ khoáng chất $5\% \leq 10\%$
- 矿物质膳食纤维残渣 (浓缩) $5\% \leq 10\%$
- (Concentrated) mineral fiber residue $5\% \leq 10\%$
- Có thể hoạt động ở nhiệt độ dưới 45 độ C, ở nhiệt độ 60 độ C duy trì 23% hoạt tính
- 可在45℃以下环境中保持活性 60℃时可维持23%的活性
- Function at temperatures below 45°C. Retains 23% activity at 60°C

Bảo quản:

Storage:

保存方式:

- Nơi khô ráo (không trực tiếp tia cực tím)
- Tốt hơn ở nhiệt độ mát 5 - 10c
- Dry place (away from direct ultraviolet light)
- Preferably stored at 5-10°C (cool temperature)
- 存放于干燥处 (避免阳光直射)
- 最佳保存温度为5-10°C



Lá Bạc Hà Lên Men X3



FERMENTED MINT X3

Thành phần:

Ingredients

成分:

Kết hợp và sản xuất:

Formulation and Production:

适用与生产:

- Lên men lá bạc hà 100% vitamin và khoáng chất tự nhiên.
- 100% Fermented Mint with natural vitamins and minerals.
- 100% 发酵薄荷叶，含天然维生素和矿物质

- Nước uống giải khát có Gas và nitơ $7\% \leq 10\%$
- Carbonated and nitrogen-infused beverage $7\% \leq 10\%$
- 含气和氮气的功能性饮料 $7\% \leq 10\%$
- Các sản phẩm bổ sung lên men (enzyme) $60\% \leq 80\%$
- Fermented dietary supplements (enzymes) $60\% \leq 80\%$
- 发酵类补充产品 (酵素) $60\% \leq 80\%$
- Thực phẩm bổ sung và chức năng (có thể điều trị) $60\% \leq 80\%$
- Dietary and functional supplements (with therapeutic effects) $60\% \leq 80\%$
- 保健功能性食品 (可用于辅助治疗) $60\% \leq 80\%$
- Tất cả đường thông thường và ăn kiêng $7\% \leq 15\%$
- Conventional and sugar-free sweeteners $7\% \leq 15\%$
- 所有类型的糖类 (普通糖及代糖) $7\% \leq 15\%$
- Tất cả nước ép trái cây tươi và dịch chiết cô đặc $60\% \leq 80\%$
- Fresh fruit juices and concentrated extracts $60\% \leq 80\%$
- 所有鲜榨果汁与浓缩萃取液 $60\% \leq 80\%$
- Tất cả các VITAMIN khoáng chất: % tùy thuộc $1\% \leq 5\%$
- Vitamins and minerals: percentage may vary $1\% \leq 5\%$
- 所有维生素及矿物质: % 含量视情况而定 $1\% \leq 5\%$

Cơ chế:

Mechanism:

作用机制:

- Cặn xơ khoáng chất $5\% \leq 10\%$
- 矿物质膳食纤维残渣 (浓缩) $5\% \leq 10\%$
- (Concentrated) mineral fiber residue $5\% \leq 10\%$
- Có thể hoạt động ở nhiệt độ dưới 45 độ C, ở nhiệt độ 60 độ C duy trì 23% hoạt tính
- 可在45°C以下环境中保持活性 60°C时可维持23%的活性
- Function at temperatures below 45°C. Retains 23% activity at 60°C

Bảo quản:

Storage:

保存方式:

- Nơi khô ráo (không trực tiếp tia cực tím)
- Tốt hơn ở nhiệt độ mát 5 - 10c
- Dry place (away from direct ultraviolet light)
- Preferably stored at 5-10°C (cool temperature)
- 存放于干燥处 (避免阳光直射)
- 最佳保存温度为5-10°C



QUY TRÌNH SẢN XUẤT NƯỚC NHÀU LÊN MEN

NONI FERMENTED JUICE PRODUCTION PROCESS

发酵诺丽果汁生产流程



Vitalnoni

— CHO SỨC KHỎE TRỜI DẬY —



NGUYÊN LIỆU TRÁI NHÀU TƯƠI
FRESH INGREDIENTS NONI

精选新鲜原料



KIỂM LỰA NGUYÊN LIỆU QUẢ TƯƠI
CHECKING RAW MATERIALS

新鲜诺丽果原料



RỬA NƯỚC SẠCH RO
RO WATER WASHING

用清水彻底清洗



ÉP NƯỚC CỐT TRÁI NHÀU
SQUEEZE OUT NONI JUICE
压榨诺丽果汁



LÊN MEN NƯỚC CỐT TRÁI NHÀU
FERMENTED FRUIT JUICE (ENZYME FRUIT JUICE- NONI)
诺丽果汁发酵



HỆ THỐNG LỌC TIỆT TRÙNG VÀ Ủ MEN
STERILIZATION AND INCUBATION FILTRATION SYSTEM
过滤、灭菌与酵母发酵系统



NONI JUICE - ENZYME 3-0

包装：

净重：18KG / 毛重：18.82KG

11,700公斤 / 20英尺集装箱



ĐÓNG GÓI VÀ LƯU TRỮ PACKING AND STORAGE

包装与储存





[illegible]



TRUNG TÂM KY THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA
QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3



Head Office: 49 Pham Dinh, Dist. 1, HCMC, Vietnam Tel: (84-24) 3629-6274 Fax: (84-24) 3628-3882 E-mail: info@qatest.vn Website: www.qatest.vn
 Branch Offices: 49/1, 49/2, 49/3, 49/4, 49/5, 49/6, 49/7, 49/8, 49/9, 49/10, 49/11, 49/12, 49/13, 49/14, 49/15, 49/16, 49/17, 49/18, 49/19, 49/20, 49/21, 49/22, 49/23, 49/24, 49/25, 49/26, 49/27, 49/28, 49/29, 49/30, 49/31, 49/32, 49/33, 49/34, 49/35, 49/36, 49/37, 49/38, 49/39, 49/40, 49/41, 49/42, 49/43, 49/44, 49/45, 49/46, 49/47, 49/48, 49/49, 49/50, 49/51, 49/52, 49/53, 49/54, 49/55, 49/56, 49/57, 49/58, 49/59, 49/60, 49/61, 49/62, 49/63, 49/64, 49/65, 49/66, 49/67, 49/68, 49/69, 49/70, 49/71, 49/72, 49/73, 49/74, 49/75, 49/76, 49/77, 49/78, 49/79, 49/80, 49/81, 49/82, 49/83, 49/84, 49/85, 49/86, 49/87, 49/88, 49/89, 49/90, 49/91, 49/92, 49/93, 49/94, 49/95, 49/96, 49/97, 49/98, 49/99, 49/100, 49/101, 49/102, 49/103, 49/104, 49/105, 49/106, 49/107, 49/108, 49/109, 49/110, 49/111, 49/112, 49/113, 49/114, 49/115, 49/116, 49/117, 49/118, 49/119, 49/120, 49/121, 49/122, 49/123, 49/124, 49/125, 49/126, 49/127, 49/128, 49/129, 49/130, 49/131, 49/132, 49/133, 49/134, 49/135, 49/136, 49/137, 49/138, 49/139, 49/140, 49/141, 49/142, 49/143, 49/144, 49/145, 49/146, 49/147, 49/148, 49/149, 49/150, 49/151, 49/152, 49/153, 49/154, 49/155, 49/156, 49/157, 49/158, 49/159, 49/160, 49/161, 49/162, 49/163, 49/164, 49/165, 49/166, 49/167, 49/168, 49/169, 49/170, 49/171, 49/172, 49/173, 49/174, 49/175, 49/176, 49/177, 49/178, 49/179, 49/180, 49/181, 49/182, 49/183, 49/184, 49/185, 49/186, 49/187, 49/188, 49/189, 49/190, 49/191, 49/192, 49/193, 49/194, 49/195, 49/196, 49/197, 49/198, 49/199, 49/200, 49/201, 49/202, 49/203, 49/204, 49/205, 49/206, 49/207, 49/208, 49/209, 49/210, 49/211, 49/212, 49/213, 49/214, 49/215, 49/216, 49/217, 49/218, 49/219, 49/220, 49/221, 49/222, 49/223, 49/224, 49/225, 49/226, 49/227, 49/228, 49/229, 49/230, 49/231, 49/232, 49/233, 49/234, 49/235, 49/236, 49/237, 49/238, 49/239, 49/240, 49/241, 49/242, 49/243, 49/244, 49/245, 49/246, 49/247, 49/248, 49/249, 49/250, 49/251, 49/252, 49/253, 49/254, 49/255, 49/256, 49/257, 49/258, 49/259, 49/260, 49/261, 49/262, 49/263, 49/264, 49/265, 49/266, 49/267, 49/268, 49/269, 49/270, 49/271, 49/272, 49/273, 49/274, 49/275, 49/276, 49/277, 49/278, 49/279, 49/280, 49/281, 49/282, 49/283, 49/284, 49/285, 49/286, 49/287, 49/288, 49/289, 49/290, 49/291, 49/292, 49/293, 49/294, 49/295, 49/296, 49/297, 49/298, 49/299, 49/300, 49/301, 49/302, 49/303, 49/304, 49/305, 49/306, 49/307, 49/308, 49/309, 49/310, 49/311, 49/312, 49/313, 49/314, 49/315, 49/316, 49/317, 49/318, 49/319, 49/320, 49/321, 49/322, 49/323, 49/324, 49/325, 49/326, 49/327, 49/328, 49/329, 49/330, 49/331, 49/332, 49/333, 49/334, 49/335, 49/336, 49/337, 49/338, 49/339, 49/340, 49/341, 49/342, 49/343, 49/344, 49/345, 49/346, 49/347, 49/348, 49/349, 49/350, 49/351, 49/352, 49/353, 49/354, 49/355, 49/356, 49/357, 49/358, 49/359, 49/360, 49/361, 49/362, 49/363, 49/364, 49/365, 49/366, 49/367, 49/368, 49/369, 49/370, 49/371, 49/372, 49/373, 49/374, 49/375, 49/376, 49/377, 49/378, 49/379, 49/380, 49/381, 49/382, 49/383, 49/384, 49/385, 49/386, 49/387, 49/388, 49/389, 49/390, 49/391, 49/392, 49/393, 49/394, 49/395, 49/396, 49/397, 49/398, 49/399, 49/400, 49/401, 49/402, 49/403, 49/404, 49/405, 49/406, 49/407, 49/408, 49/409, 49/410, 49/411, 49/412, 49/413, 49/414, 49/415, 49/416, 49/417, 49/418, 49/419, 49/420, 49/421, 49/422, 49/423, 49/424, 49/425, 49/426, 49/427, 49/428, 49/429, 49/430, 49/431, 49/432, 49/433, 49/434, 49/435, 49/436, 49/437, 49/438, 49/439, 49/440, 49/441, 49/442, 49/443, 49/444, 49/445, 49/446, 49/447, 49/448, 49/449, 49/450, 49/451, 49/452, 49/453, 49/454, 49/455, 49/456, 49/457, 49/458, 49/459, 49/460, 49/461, 49/462, 49/463, 49/464, 49/465, 49/466, 49/467, 49/468, 49/469, 49/470, 49/471, 49/472, 49/473, 49/474, 49/475, 49/476, 49/477, 49/478, 49/479, 49/480, 49/4



ỦY BAN TIÊU CHUẨN QUỐC GIA VỀ LƯỢNG CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA

TRUNG TÂM KIỂM THỬ CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3

QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3



Head Office: 01 Phạm Đức 1, HECAC, Vietnam
 Tel: (84-20) 3609 4731 Fax: (84-20) 3629 3812 E-mail: info@qatest3.com.vn Website: www.qatest3.com.vn

Branch Company: 01 Trương Thị Hoa, Tân Phú 1, HECAC, Vietnam Tel: (84-20) 3609 4731 Fax: (84-20) 3629 3812 E-mail: info@qatest3.com.vn Website: www.qatest3.com.vn

Branch Company: 01 Trương Thị Hoa, Tân Phú 1, HECAC, Vietnam Tel: (84-20) 3609 4731 Fax: (84-20) 3629 3812 E-mail: info@qatest3.com.vn Website: www.qatest3.com.vn

Branch Company: 01 Trương Thị Hoa, Tân Phú 1, HECAC, Vietnam Tel: (84-20) 3609 4731 Fax: (84-20) 3629 3812 E-mail: info@qatest3.com.vn Website: www.qatest3.com.vn

Branch Company: 01 Trương Thị Hoa, Tân Phú 1, HECAC, Vietnam Tel: (84-20) 3609 4731 Fax: (84-20) 3629 3812 E-mail: info@qatest3.com.vn Website: www.qatest3.com.vn

KT/3-07222ATP/4-1

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

21/10/2024
 Page 02/04

7. Kết quả thử nghiệm

Test results

Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Giới hạn phát hiện/ Limit of Detection	Giá trị tham chiếu ¹⁾ (Reference value)	Kết quả thử nghiệm Test result
7.1. Năng lượng ²⁾ Calories	QTTN/ KT3 024 : 2018	-	-	8 33
• kcal/100 g • kJ/100 g				
7.2. Hàm lượng carbohydrate không bao gồm chất xơ, g/100 g Carbohydrate excluding fibre content	AOAC 2020.07	-	-	0,81
7.3. Hàm lượng protein, Protein content, g/100 g	QTTN/KT3 140:2016 Kjeldahl method	-	-	0,33
7.4. Hàm lượng béo, Fat content, g/100 g	QTTN/KT3 139 : 2016 (Có thử phân)	-	-	0,36
7.5. Hàm lượng natri, Sodium content, mg/100 g	QTTN/KT3 293:2021 (Ref: AOAC 969.23)	-	-	19,8
7.6. Hàm lượng đường tổng số ³⁾ Total sugars content, g/100 g	QTTN/KT3 096 : 2017	-	-	0,25
7.7. Hàm lượng chì, Lead content, mg/L	QTTN/KT3 098 : 2016 (Ref: AOAC 999.11)	3,00 x 10 ⁻³	Không lớn hơn 0,05 More than	Không phát hiện Not detected
7.8. Hàm lượng vitamin C (acid ascorbic), mg/100 g Vitamin C content	QTTN/KT3 038 : 2016	-	-	8,29
7.9. Hàm lượng vitamin B1 (thiamine hydrochloride), mg/100 g Vitamin B1 content	QTTN/KT3 075 : 2016	0,01	-	-
7.10. Hàm lượng vitamin B2 (riboflavin), mg/100 g Vitamin B2 content	QTTN/KT3 077 : 2012	0,01	-	-

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong giá trị thí nghiệm chỉ là giá trị đại diện của các mẫu thử không phải là giá trị chính xác của sản phẩm.

2. Kết quả thử nghiệm ghi trong giá trị thí nghiệm chỉ là giá trị đại diện của các mẫu thử không phải là giá trị chính xác của sản phẩm.

3. Các kết quả thử nghiệm ghi trong giá trị thí nghiệm chỉ là giá trị đại diện của các mẫu thử không phải là giá trị chính xác của sản phẩm.

4. Các kết quả thử nghiệm ghi trong giá trị thí nghiệm chỉ là giá trị đại diện của các mẫu thử không phải là giá trị chính xác của sản phẩm.

5. Các kết quả thử nghiệm ghi trong giá trị thí nghiệm chỉ là giá trị đại diện của các mẫu thử không phải là giá trị chính xác của sản phẩm.

6. Các kết quả thử nghiệm ghi trong giá trị thí nghiệm chỉ là giá trị đại diện của các mẫu thử không phải là giá trị chính xác của sản phẩm.

7. Các kết quả thử nghiệm ghi trong giá trị thí nghiệm chỉ là giá trị đại diện của các mẫu thử không phải là giá trị chính xác của sản phẩm.

8. Các kết quả thử nghiệm ghi trong giá trị thí nghiệm chỉ là giá trị đại diện của các mẫu thử không phải là giá trị chính xác của sản phẩm.

9. Các kết quả thử nghiệm ghi trong giá trị thí nghiệm chỉ là giá trị đại diện của các mẫu thử không phải là giá trị chính xác của sản phẩm.

10. Các kết quả thử nghiệm ghi trong giá trị thí nghiệm chỉ là giá trị đại diện của các mẫu thử không phải là giá trị chính xác của sản phẩm.

Q
QUATEST 3®

ỦN BAN TIÊU CHUẨN QUỐC GIA LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3
QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3

Hanoi Office: 99 Phạm Đình 1, HCN, Vietnam Tel: (84-24) 3629 4274 Fax: (84-24) 3629 3812 E-mail: info@quatest3.com.vn Website: www.quatest3.com.vn
Hoang City Office: 99 Phạm Đình 1, HCN, Vietnam Tel: (84-24) 3629 4274 Fax: (84-24) 3629 3812 E-mail: info@quatest3.com.vn Website: www.quatest3.com.vn

KT3-07222ATP49-1

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

21/10/2024
Page 04/04

1. Các kết quả thử nghiệm chỉ mang tính chất chỉ dẫn và chỉ mang tính chất tham khảo. Khách hàng phải đối chiếu kết quả với kết quả phân tích thực tế của khách hàng.
2. Các kết quả thử nghiệm chỉ mang tính chất chỉ dẫn và chỉ mang tính chất tham khảo. Khách hàng phải đối chiếu kết quả với kết quả phân tích thực tế của khách hàng.
3. Không được sử dụng các kết quả thử nghiệm để làm cơ sở pháp lý cho các quyết định kinh doanh hoặc các quyết định khác.
4. Không được sử dụng các kết quả thử nghiệm để làm cơ sở pháp lý cho các quyết định kinh doanh hoặc các quyết định khác.
5. Các kết quả thử nghiệm chỉ mang tính chất chỉ dẫn và chỉ mang tính chất tham khảo. Khách hàng phải đối chiếu kết quả với kết quả phân tích thực tế của khách hàng.



MỘT SỐ SẢN PHẨM CỦA VITALNONI







NEWCENLAB
FOOD & ENVIRONMENT

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No.: 2509376-1/KQ
Trang/ Page: 1/2

Mã số Code: 2508470-1/KQ
Mã số mẫu: 25081326
Sample Code

Kết quả này thay thế kết quả số 2509189-3 ngày 12/09/2025.

Tên khách hàng/ Customer: CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VITAL.

Địa chỉ Address: 74 Núi Thành, Phường Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày nhận mẫu/ Date of receiving: 26/08/2025 Ngày trả kết quả/ Date of issue: 23/09/2025

Thời gian thử nghiệm/ Testing time: 26/08/2025 - 12/09/2025

Tên mẫu/ Name of sample: DẦU GỘI THẢO DƯỢC

Tình trạng mẫu/ State of sample: - Mẫu do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp.
- Mẫu mỹ phẩm đựng trong bao bì kín.

PHỤ TRÁCH CHẤT LƯỢNG
Quality Manager: Nguyễn Thị Thanh Hằng

TỔNG QUẢN ĐỐC
Service Director: ThS. Hồ Phụng Tâm

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KHÓA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ THỰC PHẨM (NEWCENLAB)

NGHỊN MÀU & PTN: CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KHÓA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ THỰC PHẨM (NEWCENLAB)
Địa chỉ: 55/34 Đường số 5, Phường Bình Trưng Tây, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh
Hotline: 0793 888 123 - 0908 882 287 Email: info@newcenlab.com Website: newcenlab.com
Số tài khoản: 3003 001 77 900002 000001 Liên hệ báo hỏng: 09. Ngày nhận đơn: 25/02/2024

NEWCENLAB
FOOD & ENVIRONMENT

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No.: 2509376-2/KQ
Trang/ Page: 1/2

Mã số Code: 2508470-1/KQ
Mã số mẫu: 25081327
Sample Code

Kết quả này thay thế kết quả số 2509189-4 ngày 12/09/2025

Tên khách hàng/ Customer: CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VITAL.

Địa chỉ Address: 74 Núi Thành, Phường Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày nhận mẫu/ Date of receiving: 26/08/2025 Ngày trả kết quả/ Date of issue: 23/09/2025

Thời gian thử nghiệm/ Testing time: 26/08/2025 - 12/09/2025

Tên mẫu/ Name of sample: MẶT NẠ Ủ TÓC BƠ DỪA

Tình trạng mẫu/ State of sample: - Mẫu do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp.
- Mẫu mỹ phẩm đựng trong bao bì kín.

PHỤ TRÁCH CHẤT LƯỢNG
Quality Manager: Nguyễn Thị Thanh Hằng

TỔNG QUẢN ĐỐC
Service Director: ThS. Hồ Phụng Tâm

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KHÓA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ THỰC PHẨM (NEWCENLAB)

NGHỊN MÀU & PTN: CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KHÓA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ THỰC PHẨM (NEWCENLAB)
Địa chỉ: 55/34 Đường số 5, Phường Bình Trưng Tây, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh
Hotline: 0793 888 123 - 0908 882 287 Email: info@newcenlab.com Website: newcenlab.com
Số tài khoản: 3003 001 77 900002 000001 Liên hệ báo hỏng: 09. Ngày nhận đơn: 25/02/2024





Trụ Sở : 74 Núi Thành, Phường Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.
Văn phòng và Kho hàng: 270 Đường số 2, Dĩ An, Thành phố Hồ Chí Minh.



Tổng đài CSKH: 0931.93.94.95
Hotline: 0931.93.94.95



cskh@vitalnoni.com
vitalnonigroup@gmail.com



www.vitalnoni.com